



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 16/2022**

**Từ 25/04 - 29/04/2022**

**TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:**

**CHUYÊN ĐỔI SỐ PHẢI THỰC CHẤT, HIỆU QUẢ,  
TUYỆT ĐỐI TRÁNH HÌNH THỨC**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ**

**CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

**ĐIỆN THOẠI**

**024.62821016**

**EMAIL**

**BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN**

**WEBSITE**

**HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN**

Tại phiên họp thứ 2 của Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia ngày 27/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương liên tục đổi mới, chứa đựng động lực mới, mở ra không gian phát triển mới. Có tư duy đột phá để có nguồn lực đột phá. Có tầm nhìn chiến lược với mục tiêu, mục đích phát triển rõ ràng, an toàn, bền vững, đúng trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp.



*Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận, biểu dương và đánh giá cao nỗ lực của các Bộ, ngành, địa phương và người dân đã tích cực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đã đề ra - Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

Tại phiên họp, các đại biểu đã tập trung đánh giá các nhiệm vụ được triển khai trong thời gian qua, những kết quả đạt được, những việc chưa làm được, phân tích, chỉ rõ nguyên nhân, đặc biệt là nguyên nhân chủ quan và bài học kinh nghiệm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế nhằm đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số quốc gia trong thời gian tới.

**Mở ra không gian phát triển mới**

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết trước đây, việc cập nhật số liệu, báo cáo về đầu tư công phải làm thủ công nên rất vất vả, chỉ cần 1 số liệu điều chỉnh là "toàn bộ xô lệch hết", cán bộ phải thường xuyên làm việc tới 4h sáng hôm sau. Tuy nhiên, gần đây, với việc ứng dụng công nghệ số, các số liệu được các Bộ, ngành, địa phương cập nhật.

"Nhu thế là bảo đảm nhanh, kịp thời, chính xác, minh bạch, khách quan, không ai can thiệp được, kể cả Thứ trưởng hay Bộ trưởng", Bộ trưởng nói.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn cho biết, tính đến nay, đã có hơn 11 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) đã phục vụ 52 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.136 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 412.000 hồ sơ, tài liệu giấy).

Văn phòng Chính phủ cũng phối hợp với các cơ quan xây dựng các bộ chỉ số và hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ công cụ giám sát trực tuyến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ...

Đại diện Ngân hàng Nhà nước cho rằng, để thúc đẩy thanh toán điện tử thì một mình ngành ngân hàng không thể làm được, mà cần sự vào cuộc của các bộ, ngành. Vị này lấy ví dụ, cho tới nay, gần 100% trong hơn 20 triệu hộ dân trên cả nước có thể thanh toán tiền điện trực tuyến bởi vì ngành điện trong 5 năm qua đã nỗ lực xây dựng cơ sở dữ liệu và chia sẻ dữ liệu với phía ngân hàng. Định danh trên môi trường mạng là việc quan trọng nhất để triển khai các việc khác.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn cho biết, Bộ đã phối hợp với Bộ Công an hoàn thành bước đầu về kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó đã kết nối, trao đổi và đồng bộ dữ liệu về đội ngũ giáo viên với 1,3/1,4 triệu hồ sơ cán bộ đã được đồng bộ giữa 2 cơ sở dữ liệu và khoảng 24 triệu học sinh, trong đó gần 1 triệu hồ sơ học sinh đang học lớp 12 sẽ kịp đồng bộ trước ngày 29/4/2022 để đưa vào sử dụng các dịch vụ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia cho kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh Đại học năm 2022.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng và áp dụng bắt đầu từ ngày 09/5/2022.

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, chuyển đổi số đã tạo ra tài nguyên mới là dữ liệu, trở thành nguồn lực cho kinh tế số phát triển, mở ra không gian phát triển mới cho đất nước. Muốn chuyển đổi số phải cần nhanh chóng phát triển hạ tầng băng thông rộng, các nền tảng số quốc gia, địa phương do người Việt Nam làm chủ... trên cơ sở huy động tổng lực, cả hệ thống chính trị, toàn bộ đất nước cho chuyển đổi số.

### **Đột phá đào tạo nhân lực chuyển đổi số**

Bên cạnh đó, các đại biểu cũng thẳng thắn chỉ ra nhiều tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi số thời gian qua.

Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, ngành vẫn tư duy theo thói quen triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của Bộ, ngành. Trong khi đó, chuyển đổi số đặt ra sứ mệnh mới cho các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, thêm nhiệm vụ điều phối, dẫn dắt chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực.

Mặt khác, các cơ quan nhà nước các cấp còn khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn, chưa mạnh dạn huy động chuyên gia về công nghệ thông tin, chuyên gia về chuyển đổi số cùng tham gia giải quyết vấn đề. Do đây là vấn đề mới, nên năng lực, kỹ năng hoạch định chính sách, điều phối, dẫn dắt của cán bộ, công chức chưa ngang tầm nhiệm vụ đặt ra, dẫn đến chủ trương, định hướng quốc gia chậm được cụ thể hóa ở mức chi tiết, ở mức thực thi xuống cơ sở. Nhiều nhiệm vụ cần sự chuyên nghiệp trong thực thi nhưng không có chuyên gia thực hiện.

Cùng với đó, chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn chưa cao; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp...

Nhân lực số là vấn đề được nhiều đại biểu đề cập. Việt Nam hiện nay có khoảng hơn 240 trường đại học, trong đó gần 160 trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật: Công nghệ thông tin, điện tử-viễn thông, an toàn thông tin. Hằng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành này vào khoảng hơn 50.000. Nếu tính cả đào tạo nghề ở bậc cao đẳng, trung cấp thì con số này vào khoảng hơn 62.000.

Theo Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng, trong cơ cấu nguồn nhân lực, tỷ lệ nhân lực kỹ thuật/tổng lao động của nền kinh tế Việt Nam đạt hơn 1%. Đây là tỷ lệ tương đối thấp so với một số quốc gia như Hoa Kỳ (4%), Hàn Quốc (2,5%), Ấn Độ (1,78%). Để nâng tỷ lệ lên tối thiểu 2%, Việt Nam cần đào tạo được tối thiểu 70.000 sinh viên đại học chuyên ngành kỹ thuật mỗi năm, tăng khoảng 40% so với hiện nay. Không chỉ là vấn đề số lượng, chất lượng nhân lực cũng là thách thức lớn. Các công nghệ số đang có tốc độ phát triển nhanh, trong khi đó, chương trình đào tạo đang chưa theo kịp.

Để giải quyết vấn đề, nhiều quốc gia, điển hình là Hàn Quốc, Ấn Độ đã xác định phát triển đại học số là giải pháp quan trọng, đột phá để phát triển, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực số nói riêng. Đại học số, hiểu một cách đơn giản là chuyển đổi số giáo dục đại học, đưa toàn bộ hoạt động của trường đại học, của giảng viên, sinh viên lên môi trường số.

### **Không hình thức hay "đánh trống ghi tên"**

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận, biểu dương và đánh giá cao nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương và người dân đã tích cực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đã đề ra, thu được những kết quả đáng mừng, tích cực.

"Dù còn vấn đề trong quá trình thực hiện chuyển đổi số nhưng những mặt tốt, tích cực vẫn đạt được nhiều hơn, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; hoạt động điều hành, quản lý của Nhà nước tốt hơn. Lòng tin của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư ngày càng cao", Thủ tướng Chính phủ nói.

Thủ tướng Chính phủ cũng phê bình một số bộ, ngành, địa phương chưa nghiêm túc khi tham gia cuộc họp của Ủy ban, và yêu cầu quán triệt tinh thần nhiệt huyết, cảm xúc, trách nhiệm với công việc, nhiệm vụ được phân công thì mới có hiệu quả, "không hình thức", "không đánh trống ghi tên".

"Chúng ta cần hiệu quả, sản phẩm, cần doanh nghiệp, người dân được hưởng lợi", Thủ tướng Chính phủ phát biểu.

Thủ tướng Chính phủ cho rằng, thời gian qua, nhận thức tầm quan trọng về chuyển đổi số của các cấp, các ngành, các địa phương có chuyển biến, 100% các Bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số do người đứng đầu làm Trưởng ban, nhưng so với yêu cầu thực tế, hành động phải đẩy mạnh hơn nữa, bằng hành động thực chất.

Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả tích cực. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 5 quyết định về chuyển đổi số, trong đó có phê duyệt Ngày 10/10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Các cơ sở dữ liệu tạo nền tảng cho Chính phủ số được đẩy mạnh triển khai như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được tích hợp, kết nối và mở rộng, làm giàu dữ liệu bao gồm: Dữ liệu bảo hiểm xã hội; gần 78 triệu thông tin công dân với trên 133 triệu mũi vaccine phòng COVID-19 được tiêm chủng; trên 570.000 thông tin dữ liệu về cán bộ, giáo viên; triển khai thí điểm chip điện tử gắn trên thẻ Căn cước công dân; cấp trên 7 triệu số định danh cho trẻ em đăng ký khai sinh; thí điểm sử dụng thẻ Căn cước công dân trong khám chữa bệnh...

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đang được tích cực triển khai; bước đầu thí điểm chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Các cơ sở dữ liệu quốc gia khác như bảo hiểm, hộ tịch, đăng ký doanh nghiệp đã đi vào vận hành ổn định, đang mang lại hiệu quả tích cực.

Đóng góp của kinh tế số, theo ước tính của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong Quý I/2022 đạt khoảng 53 tỷ USD. Số doanh nghiệp công nghệ số thành lập mới tăng 500 doanh nghiệp so với năm 2021.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tiếp tục được triển khai tích cực, có hiệu quả. Đến nay, Cổng dịch vụ công quốc gia đã tích hợp 3.552 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các Bộ, ngành, địa phương, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, vừa qua triển khai Quyết định 06 đã tích hợp thêm 11/25 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Hệ thống hóa đơn điện tử đã được triển khai toàn quốc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đào tạo nhân lực cho chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm, Quý I/2022 đã bồi dưỡng, tập huấn được gần 1.000 cán bộ, công chức và mục tiêu đến tháng 10/2022 sẽ bồi dưỡng, tập huấn được cho 10.000 cán bộ, công chức về chuyển đổi số.

Xã hội số, với trọng tâm là công dân số, được chú trọng phát triển. Một số ứng dụng Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu của người dùng Việt Nam, được đông đảo người dân sử dụng. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đẩy nhanh tốc độ tăng công dân số để đáp ứng yêu cầu phát triển thực tế.

Các hoạt động chuyển đổi số của Việt Nam được các cơ quan, định chế, tổ chức quốc tế quan tâm, đánh giá tích cực và dự báo Việt Nam sẽ là một trong những nước dẫn đầu về chuyển đổi số trong khu vực ASEAN.

## **Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thủ tướng cũng nêu một số tồn tại, hạn chế.

Trước hết là nhận thức về chuyển đổi số chưa toàn diện, đồng đều ở các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, "nhiều khi còn hình thức", "cần cương quyết loại bỏ".

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách còn chậm, thiếu sự phối hợp, chưa chủ động, cần phải nỗ lực nhiều hơn, nhất là huy động doanh nghiệp, người dân vào công tác xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách.

Chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa cao, hiệu quả sử dụng còn hạn chế. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mới gần 54% và hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp, khoảng 9,4%.

Chưa hình thành được hệ sinh thái công dân số dẫn đến người dân vẫn chưa được thụ hưởng nhiều tiện ích quan trọng mang lại như y tế, giáo dục, bảo hiểm, ngân hàng, giao thông... để giúp mọi người bình đẳng về cơ hội phát triển, cơ hội hưởng thụ như nhau về kết quả chuyển đổi số.

Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành triển khai chưa đáp ứng được tiến độ đề ra. Nhiều nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nền tảng thanh toán điện tử triển khai chậm. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước chưa hiệu quả.

An toàn, an ninh mạng còn sơ hở. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu người dân còn chưa được chú trọng đúng mức. "Bên cạnh sự phát triển của công nghệ số thì an toàn, an ninh rất quan trọng", Thủ tướng lưu ý.

Công tác đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin ở nhiều nơi vẫn chưa được chú trọng. Nguồn lực triển khai Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số còn hạn chế.

Thủ tướng cho rằng trong chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu là rất quan trọng nhưng nhiều năm qua các bộ, ngành chưa quan tâm đúng mức đến việc tích lũy cơ sở dữ liệu, làm cơ sở hình thành cơ sở dữ liệu lớn (Big Data), Trí tuệ nhân tạo (AI).

### **Liên tục đổi mới, tư duy đột phá**

Thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, gắn với đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, trong sự phát triển chung của đất nước.

"Đây là vấn đề khó nhưng không thể không làm và cần lựa chọn nhiệm vụ ưu tiên, sắp xếp nguồn lực, thời gian, sự chỉ đạo, lãnh đạo, kiểm tra giám sát, phù hợp với tình hình", Thủ tướng Chính phủ nói và nhấn mạnh "muốn làm được, trước hết tư tưởng phải thông thì nhận thức mới chuyển biến, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, có hiệu quả, lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt việc đó, có niềm tin, nền tảng để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn, chắc chắn hơn".

Trong mỗi quý, mỗi 6 tháng, mỗi năm, công tác chuyển đổi số phải có những sản phẩm nhất định, hiệu quả cụ thể lượng hoá được.

Phương châm thực hiện chuyển đổi số là nhanh nhất có thể, nhiều nhất có thể, hiệu quả nhất có thể, kịp thời nhất có thể với những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn cuộc sống. Phát triển có lộ trình, mục tiêu, an toàn, bền vững.

Về quan điểm thực hiện chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương liên tục đổi mới, tạo ra động lực mới, mở ra không gian phát triển mới. Có tư duy đột phá để có nguồn lực đột phá để "biến không thành có, biến khó thành dễ, biến cái không thể thành cái có thể". Có tầm nhìn chiến lược với mục tiêu, mục đích phát triển rõ ràng, an toàn, bền vững, đúng trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước. Trong quá trình phát triển phải kế thừa, đổi mới, gắn với đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khoa học công nghệ để có thể bắt kịp những vấn đề nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Các Bộ, ngành, địa phương cần phát huy tính chủ động, tính sáng tạo; huy động mọi nguồn lực, nhất là hợp tác công - tư. Bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; nói đi phải đôi với làm và phải có hiệu quả, sản phẩm cụ thể.

Sử dụng tài nguyên thông tin, dữ liệu thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, nhưng tài nguyên chuyển đổi số càng khai thác càng hiệu quả, càng phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công tác giám sát, kiểm tra. Hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp, chia sẻ rủi ro. Theo dõi, xem xét, đo lường để khen thưởng kịp thời cơ quan, đơn vị làm tốt, nhân rộng mô hình hay; phê bình, kiểm điểm những nơi làm chưa tốt.

Trong Quý II/2022, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Trưởng ngành và Ban chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Kế hoạch năm 2022 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, trên tinh thần "tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, hành động phải quyết liệt, có hiệu quả, lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt việc đó".

### **Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm**

Về một số nhiệm vụ trọng tâm, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất thành lập bộ phận giúp việc của Ủy ban có hiệu quả nhưng không làm tăng thêm đầu mối về tổ chức, bộ máy, biên chế, từ đó hình thành tổ giúp việc ban chỉ đạo các cấp. Hoàn thành đánh giá, công bố chính thức danh sách các nền tảng số đáp ứng yêu cầu phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thành triển khai hệ thống phục vụ thống kê, theo dõi dự án đầu tư công cho chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan nghiên cứu việc triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng. "Đoàn Thanh niên cần tập trung thực hiện các phong trào có trọng tâm trọng điểm như học tập ngoại ngữ, tin học chuyển đổi số, chống biến

đổi khí hậu, gắn với lợi ích quốc gia, lợi ích của từng cá nhân, tạo xung lực, động lực cho mỗi người", Thủ tướng Chính phủ lưu ý thêm.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Nâng cao chất lượng nhân lực làm công nghệ thông tin chuyên trách.

Bộ Công an khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị định về định danh và xác thực điện tử, trình Chính phủ ban hành trong tháng 5/2022. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin công dân. Tiếp tục hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động VNEID, nhằm định hình hệ sinh thái công dân số để phục vụ nhu cầu định danh, xác thực thông tin của người dân theo hướng người dân có thể được định danh và xác thực điện tử dễ dàng thông qua môi trường mạng.

Văn phòng Chính phủ tập hợp, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các chương trình chung của Ủy ban; tiếp thu các ý kiến phát biểu, hoàn thiện tài liệu phiên họp chất lượng, ngắn gọn, súc tích, bao quát, tổng hợp, dễ hiểu, dễ nghe, dễ tuyên truyền, dễ nói, dễ làm, dễ giám sát, kiểm tra, đánh giá. Tập trung, xây dựng, phát triển, đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực, có các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số.

Bộ Y tế chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh sẵn sàng chấp nhận thanh toán viện phí, thanh toán các khoản chi phí khám chữa bệnh theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở đào tạo sẵn sàng chấp nhận thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan triển khai mô hình "Giáo dục đại học số", hoàn thành Đề án thí điểm trong quý 2/2022.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương thúc đẩy thương mại điện tử, thương mại số.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu để người nông dân có thể khai thác trong nuôi, trồng, sử dụng đất đai có hiệu quả, có thị trường, có liên kết.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành tham mưu đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án đổi tên đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ phù hợp, đúng với nội hàm chuyển đổi số.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chuyển đổi số, thực hiện chức năng nhiệm vụ, trong đó nắm được tình hình đầu tư, phân tích được tính kịp thời, hiệu quả, đúng chủ trương của các dự án đầu tư.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan chủ quản thí điểm thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả dòng vốn thông qua hệ thống điện tử.

Các Bộ, ngành, địa phương ban hành hoặc cập nhật kế hoạch hành động đến năm 2025 của cấp chính quyền với đầy đủ 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, phù hợp với các chiến lược quốc gia, tình hình của cơ quan, đơn vị mình.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các Bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch hành động năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban, theo từng quý.

Triển khai thực hiện tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022.

Đối với việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh phải được triển khai ngày từ ngày 01/6/2022. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu triển khai theo yêu cầu Quyết định 06/QĐ-TTg thực hiện số hóa từ ngày 01/7/2022.

Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương huy động chuyên gia chuyển đổi số, thúc đẩy hợp tác quốc tế; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, tọa đàm làm rõ các vấn đề mới, khó để nâng cao nhận thức trong chuyển đổi số, hiểu được lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, giám sát việc thực hiện chính sách.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: Cần tập trung nâng cao nhận thức chuyển đổi số một cách thực chất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách huy động nguồn lực, phát triển hạ tầng số trọng tâm, trọng điểm, triển khai hiệu quả đầu tư công, vận dụng cải cách hành chính, tập trung đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, hợp tác quốc tế, vận dụng các quy định pháp luật sáng tạo, linh hoạt, có hiệu quả.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

Ngày 27/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ký Quyết định số 51/QĐ-BCĐCCHC ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo).

### **Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo**

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn: Nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách và giải pháp để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ; cho ý kiến về chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước dài hạn và hàng năm do Bộ Nội vụ trình Chính phủ.

Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước; xem xét nội dung các đề án, dự án quan trọng về cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ, các dự thảo nghị quyết, nghị định của



Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có nội dung chủ yếu liên quan đến cải cách hành chính nhà nước trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ; các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến công tác cải cách hành chính nhà nước.

Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác cải cách hành chính nhà nước.

Tổng hợp, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan tình hình triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước.

Nghiên cứu, đánh giá và kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Được lập các tiểu ban hoặc nhóm công tác giúp Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước theo yêu cầu.

Được mời tham dự các cuộc họp do Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì, các cuộc họp của các Bộ, ngành, địa phương liên quan đến nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Mời lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương và đại diện cơ quan, tổ chức khác liên quan tham dự các cuộc họp, các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo.

Yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

#### **Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban Chỉ đạo**

Quyết định nêu rõ: Trưởng ban Ban Chỉ đạo lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triệu tập, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo;

Kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của Chính phủ;

Trong trường hợp cần thiết, uỷ quyền cho Phó Trưởng ban giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình;

Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo. Trưởng ban Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo - Bộ trưởng Bộ Nội vụ**

Giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo; thay mặt Trưởng ban Ban Chỉ đạo chủ trì và điều phối hoạt động chung của Ban Chỉ đạo khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban Ban Chỉ đạo uỷ quyền; chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ

đạo theo sự ủy quyền của Trưởng ban Ban Chỉ đạo, trường hợp vượt quá phạm vi quyền hạn được giao phải báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

Tham mưu cho Trưởng ban Ban Chỉ đạo để kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương hướng, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác cải cách hành chính và việc thực hiện chương trình, cải cách hành chính của Chính phủ.

Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo về sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của Chính phủ.

Thành lập hoặc tham mưu Trưởng ban Ban Chỉ đạo thành lập các tiểu ban giúp Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính theo yêu cầu.

Được sử dụng con dấu của Bộ Nội vụ.

Ban Chỉ đạo họp trực tiếp hoặc trực tuyến định kỳ 01 quý/01 lần để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện tổng thể các nội dung, nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc đánh giá chuyên sâu theo từng chuyên đề và xác định chương trình, kế hoạch công tác cho thời gian tiếp theo.

Khi có yêu cầu hoặc khi cần chỉ đạo theo từng chuyên đề, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định họp đột xuất toàn thể Ban Chỉ đạo hoặc họp với một số thành viên Ban Chỉ đạo. Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định việc mời đại biểu không thuộc Ban Chỉ đạo tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

Các phiên họp của Ban Chỉ đạo phải được thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian và địa điểm ít nhất trước 03 ngày làm việc và kèm theo các tài liệu liên quan. Kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng Ban Chỉ đạo được thể hiện bằng văn bản thông báo của Ban Chỉ đạo...

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **TẬP TRUNG THÁO GỠ NHỮNG “ĐIỂM NGHẼN” QUAN TRỌNG ĐỂ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ**

Ngày 26/4, Thay mặt Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam ký ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

Ngày 07/3/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng được nhu cầu; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm hoàn thành, từng bước được khai thác, sử dụng hiệu quả; việc trao đổi văn bản điện tử đã đi vào nền nếp; nhiều dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4; xếp hạng quốc gia về Chính phủ điện tử được cải thiện; nhận thức về chuyển đổi số được nâng cao, thể hiện rõ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong và sau đại dịch COVID-19.

Tuy nhiên, thực tiễn thời gian qua cũng bộc lộ nhiều bất cập, tồn tại trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số, trong chuyển đổi số quốc gia như: Hạ tầng kỹ thuật chưa được tối ưu hóa và vận hành chuyên nghiệp, chưa có khả năng linh hoạt đáp ứng yêu cầu mới phát sinh; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước còn hạn chế; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến thấp; hoạt động của cơ quan nhà nước vẫn còn nhiều công đoạn thủ công, dựa trên giấy tờ theo cách truyền thống; xếp hạng quốc gia về Chính phủ điện tử tuy có cải thiện nhưng mới ở mức trung bình trong khu vực; chuyển đổi số chưa có nhiều kết quả đột phá.

Một trong những “điểm nghẽn” quan trọng cần tập trung tháo gỡ để phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số là vấn đề chia sẻ dữ liệu, nên người dân vẫn phải khai báo, cung cấp dữ liệu nhiều lần, nhất là khi thực hiện thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, công tác phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và kinh phí chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số chưa thực sự được quan tâm.

### **Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh**

Để tiếp tục phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt tới toàn bộ các tổ chức, cá nhân liên quan về việc tăng cường quản lý đầu tư bảo đảm hiệu quả, an toàn thông tin, an ninh mạng trong ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó cần lưu ý việc triển khai Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) phải thiết thực, hiệu quả, bền vững. Thời hạn hoàn thành tháng 6 năm 2022.

Bên cạnh đó, thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn theo thẩm quyền và theo kế hoạch hàng năm; triển khai theo kế hoạch hàng năm sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số, chính quyền số

tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

Triển khai hoặc thí điểm triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Thời hạn hoàn thành tháng 12 năm 2022.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả, thông suốt giữa các cơ quan nhà nước bảo đảm tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí, tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ. Công khai danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu; hạn chế cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính nếu thông tin, dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ, trừ trường hợp thông tin, dữ liệu không bảo đảm yêu cầu về chất lượng, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.

### **Chuẩn bị hạ tầng để kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia**

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông chuẩn bị hạ tầng, các điều kiện đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng để kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trước hết là các cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, thuế, hải quan, ngân hàng, giấy phép lái xe, bảo hiểm y tế, giáo dục và an sinh xã hội theo tiến độ được giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022;

Ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ưu tiên triển khai đối với các dịch vụ công thiết yếu nêu tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Thời hạn hoàn thành: tháng 12 năm 2022.

### **Giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đến từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện**

Thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trong đó chú trọng việc rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách giảm thời gian, phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tổ chức kết nối, tích hợp để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đáp ứng yêu cầu trên Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; giao chỉ tiêu về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đến từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc phổ biến, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Thời hạn hoàn thành: tháng 6 năm 2022.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022, cấp huyện từ ngày 01/12/2022, cấp xã từ ngày 01/6/2023. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 thực hiện số hóa từ ngày 01/7/2022. Tập trung thực hiện có hiệu quả kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020.

Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, thực hiện thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành và xử lý công việc trên môi trường mạng. Tăng cường sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong việc ký số, xác thực dữ liệu số hóa; xác thực đăng nhập trong các hệ thống thông tin của các cơ quan bộ, ngành, địa phương.

Kết nối, đồng bộ dữ liệu giám sát đo lường mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Hệ thống đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số, bảo đảm tận dụng, không thu thập lại các thông tin đã có.

### **Triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng**

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung Mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ Chính phủ số. Thời hạn hoàn thành tháng 9 năm 2022.

Thực hiện việc chuyển đổi IPv6; trong đó, ưu tiên tập trung chuyển đổi IPv6 cho Cổng thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến để phục vụ cho người dân, doanh nghiệp truy cập, sử dụng dịch vụ của cơ quan nhà nước qua IPv6. Thời hạn hoàn thành tháng 12 năm 2022.

Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thời hạn hoàn thành: phân loại, xác định và phê duyệt đề xuất cấp độ hệ thống thông tin trước tháng 12 năm 2022; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 6 năm 2023.

Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số theo kế hoạch hàng năm, trong đó đặc

biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định, hoạch định chính sách và bảo đảm an toàn thông tin mạng; huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho mạng lưới công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số và khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số từ Trung ương đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, phường, xã, tổ, đội với nòng cốt là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đại diện các doanh nghiệp tư nhân, viển thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương; tham gia vào Mạng lưới công nghệ số cộng đồng toàn quốc. Thời hạn hoàn thành: tháng 6 năm 2022.

Định kỳ hàng năm thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. Thời hạn hoàn thành tháng 12 hàng năm.

### **Bồi dưỡng, tập huấn cho tối thiểu 10.000 cán bộ chuyển đổi số**

Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ tháng 12 hàng năm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ danh sách nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm tiếp theo để phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số, cải thiện xếp hạng quốc gia, triển khai hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan khác.

Điều phối, giải quyết kịp thời các vướng mắc liên quan đến kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Có giải pháp khuyến khích, thúc đẩy người dân sử dụng dịch vụ chữ ký số từ xa để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Thời gian hoàn thành: tháng 6 năm 2022.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát tình hình sử dụng ngân sách nhà nước cho Chính phủ số, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và kiến nghị, đề xuất định hướng lớn về phân bổ kinh phí trong năm tiếp theo. Thời hạn hoàn thành: tháng 12 hàng năm.

Chủ trì tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho tối thiểu 10.000 cán bộ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các cơ quan truyền thông, báo chí ngay trong năm 2022 để giải quyết nhu cầu cấp bách về nguồn lực phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số. Thời hạn hoàn thành: tháng 12 năm 2022.

Thúc đẩy đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số theo Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Thời hạn hoàn thành: tháng 10 năm 2022.

Đẩy mạnh việc phát triển và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước sản xuất thông qua Chương trình sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin thương hiệu Việt

(Make in Viet Nam); tạo thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Thời hạn đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện là tháng 12 hàng năm.

Triển khai thí điểm trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất nhân rộng. Thời hạn hoàn thành: tháng 12 năm 2022; định kỳ hàng năm đánh giá, xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các đối tượng phù hợp khác tùy theo từng giai đoạn phát triển. Thời hạn hoàn thành: tháng 5 hàng năm.

### **Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính theo hướng ứng dụng công nghệ số**

Văn phòng Chính phủ đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng ứng dụng hiệu quả công nghệ số, cắt giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021.

Bên cạnh đó, tích hợp dịch vụ công trực tuyến của các Bộ, ngành, địa phương lên Cổng dịch vụ công quốc gia, bảo đảm đến tháng 12 năm 2022 tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các Bộ, ngành, địa phương. Ưu tiên tích hợp các dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022.

Cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bảo đảm thường xuyên, liên tục, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; xây dựng, phát triển hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực, có các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số. Thời gian hoàn thành: nhiệm vụ hàng năm.

Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan, địa phương và khả năng cân đối của ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chỉ thị.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện và giải ngân các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp để định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và kiến nghị, đề xuất định hướng lớn về phân bổ kinh phí trong năm tiếp theo. Thời hạn hoàn thành: tháng 8 hàng năm.

Chủ trì tổng hợp kế hoạch đầu tư công hàng năm trên cơ sở đề xuất của các Bộ, cơ quan, địa phương theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chỉ thị.

### **Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức**

Bộ Công an tổ chức triển khai Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Bộ Nội vụ triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, trong cơ quan nhà nước để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính phủ số. Thời hạn hoàn thành: tháng 12 năm 2022; tổ chức triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, gắn kết chặt chẽ với phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá sơ kết tình hình triển khai đô thị thông minh tại Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thời hạn hoàn thành tháng 6 năm 2022.

Ban Cơ yếu Chính phủ đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cho các cơ quan Bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng ký số dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa. Đến tháng 6 năm 2022 đảm bảo cấp 100% chứng thư số cho Bộ phận Một cửa cấp bộ, tỉnh; tháng 12 năm 2022 đảm bảo cấp 100% chứng thư số cho Bộ phận Một cửa cấp huyện; tháng 6 năm 2023 đảm bảo cấp 100% chứng thư số cho Bộ phận Một cửa cấp xã. Trong đó, đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, cấp đủ 100% chứng thư số cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp liên quan đến số hóa 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM: ĐỀ XUẤT BỔ SUNG QUY ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DỰ THẢO SỬA ĐỔI LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) kiến nghị Ban soạn thảo dự án luật xem xét bổ sung vào luật các quy định liên quan đến nội dung chuyển đổi số.



Chuyển đổi số đang trở thành xu thế toàn cầu và là xu hướng tất yếu tại Việt Nam; nhất là trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính hay những thủ tục phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành năm 2005 và đã từng sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019. Song, tới nay, thực tế đang đặt ra nhiều vấn đề cần sự bổ sung, điều chỉnh luật để đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước, thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước; khắc phục những bất cập của luật hiện hành đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rộng khắp và mạnh mẽ. Việc sửa đổi này cũng nhằm đáp ứng các yêu cầu của cam kết quốc tế liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và cũng nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Đại diện tiếng nói cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kiến nghị, việc bổ sung vào luật các quy định liên quan đến nội dung chuyển đổi số gồm một số thủ tục cần được thực hiện trực tuyến như đăng ký, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trực tuyến. Hiện tại dự thảo luật chỉ mới quy định nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan qua Cổng dịch vụ công trực tuyến; tra cứu khả năng bảo hộ trực tuyến; tra cứu cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp trong khi những dữ liệu này hiện vẫn không đầy đủ và được cập nhật ổn định, kịp thời trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu Trí tuệ.

Ngoài ra, theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã ghi nhận và bảo hộ nhiều loại tài sản trí tuệ như: quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin hay sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, một số vấn đề chưa được làm rõ gây nhiều khó khăn trên thực tiễn triển khai. Cụ thể như, về khái niệm bí mật kinh doanh trong Luật Sở hữu trí tuệ vẫn còn rất chung chung và khó hiểu.

Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh. Chính việc quy định tương đối chung chung, chưa rõ ràng về bí mật kinh doanh khiến việc áp dụng quy định này trong từng trường hợp phụ thuộc vào hiểu biết của cơ quan nhà nước. Dữ liệu là lĩnh vực tương đối mới mẻ, dẫn đến tình trạng cơ quan nhà nước còn dè dặt trong việc áp dụng quy định này.

Điều này dẫn đến các tranh luận về việc dữ liệu nào được coi là bí mật kinh doanh và cần có cơ chế bảo hộ như thế nào. Trên thực tiễn, đã nảy sinh tình huống mất cắp dữ liệu nhưng các cơ quan nhà nước vẫn ngần ngại khi coi đây là loại tài sản trí tuệ cần được bảo vệ.

Luật Sở hữu trí tuệ cũng chưa xác định khái niệm “tài sản trí tuệ”, nên hiện nay, có sự lúng túng trong việc xác định hợp đồng có đối tượng là tài sản trí tuệ. Nếu như trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác, giá trị tài sản lớn nhất đối với doanh nghiệp là nhà máy, thiết bị, công trình... thì trong kinh tế số tài sản có giá trị nhất lại là phần mềm, dữ liệu, hệ thống thông tin, bản quyền sách, âm nhạc, phim, chương trình giải trí, nghệ thuật... Đây đều là các đối tượng tài sản được bảo hộ theo pháp luật về sở hữu trí.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhận định, bảo hộ tài sản trí tuệ để phát triển kinh tế số (công nhận các loại tài sản số, bảo vệ tài sản số trong các hợp đồng dân sự, lao động, bảo vệ tài sản số bằng pháp luật hình sự, bảo hộ quyền sở hữu tài sản của cá nhân, bảo đảm giao kết hợp đồng...) là giải pháp quan trọng để thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp vào các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn hay thu hút được dự án đầu tư nước ngoài chất lượng tốt. Vì lẽ đó, cần xem xét bổ sung vào Luật Sở hữu trí tuệ các chế định ghi nhận, bảo hộ các loại tài sản trí tuệ trên môi trường số, theo hướng bảo vệ quyền tài sản cá nhân, quyền sở hữu cá nhân với dữ liệu, bảo đảm và thúc đẩy các giao kết hợp đồng.

Để nâng cao năng lực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số, cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong việc xây dựng quy định về thực thi sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số theo hướng đáp ứng các yêu cầu của cam kết quốc tế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Quy định này sẽ tạo nên một hệ thống thực thi về sở hữu trí tuệ trên môi trường số một cách thống nhất; trong đó cần có những quy định cụ thể nhằm xác định cụ thể những hành vi bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số, chủ thể xâm phạm cũng như cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm...

*Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2021/TT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.**

Đối với ngạch Chuyên viên cao cấp, quy định hiện hành về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Với quy định này, dự thảo đề xuất sửa đổi như sau: "Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm".

Bộ Nội vụ cho biết, lý do sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự linh hoạt trong việc sử dụng năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động, chức năng, nhiệm vụ trong từng cơ quan, tổ chức.

Với quy định về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng, dự thảo sửa đổi, bổ sung như sau: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

Việc sửa đổi, bổ sung này để phù hợp với quy định mới của Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với ngạch Văn thư viên chính, quy định tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng được sửa đổi, bổ sung như sau: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.

Theo Bộ Nội vụ, việc bổ sung quy định bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin thì được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư bảo đảm phù hợp với quy định của Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTĐ của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

**\* Bộ Công an đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cấp quyền lựa chọn sử dụng biển số ô tô thông qua đấu giá.**

Dự thảo Nghị quyết quy định thí điểm việc cấp quyền lựa chọn theo nhu cầu sử dụng biển số ô tô thông qua đấu giá, bao gồm: giá khởi điểm của biển số đưa ra đấu giá; trường hợp bán cho người duy nhất tham gia đấu giá; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là người) trúng đấu giá; sử dụng nguồn thu từ đấu giá biển số.

Theo dự thảo, biển số được lựa chọn đấu giá là biển số ô tô nền màu trắng, chữ và số màu đen trong kho biển số chưa được đăng ký mà Cơ quan đăng ký dự kiến cấp mới theo từng tháng, quý, 6 tháng hoặc 1 năm. Không đưa ra đấu giá đối với biển số cấp cho xe mua sắm từ ngân sách Nhà nước, xe của Quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng, xe của doanh nghiệp Quân đội làm kinh tế, xe của tổ chức doanh nghiệp nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và người nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng được tham gia đấu giá là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá biển số của địa phương nơi đóng trụ sở (đối với tổ chức, doanh nghiệp) hoặc nơi đăng ký thường trú (đối với cá nhân).

Về cơ quan tổ chức đấu giá, dự thảo đề xuất Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đấu giá biển số theo phân cấp đăng ký quản lý phương tiện.

Về hình thức đấu giá, Bộ Công an giao Công an cấp tỉnh ký hợp đồng thuê Tổ chức đấu giá tài sản có Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến để tổ chức đấu giá trực tuyến.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ việc xác định giá khởi điểm được quy định cụ thể như sau: Vùng 1 (gồm: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh):  $G_{kđ} = G_{lp} \times 2$ . Vùng 2 (gồm các địa phương còn lại):  $G_{kđ} = G_{lp} \times 10$ . ( $G_{kđ}$ : Giá khởi điểm của 01 biển số đưa ra đấu giá, đơn vị tính là Việt Nam đồng;  $G_{lp}$ : Mức lệ phí đăng ký cao nhất đang áp dụng tại địa phương).

Quyền của người trúng đấu giá là được ký hợp đồng với cơ quan tổ chức đấu giá để xác lập quyền đối với biển số trúng đấu giá; được sử dụng biển số trúng đấu giá; khi chuyển nhượng xe, người trúng đấu giá được quyền giữ lại biển số để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu (biển số đi theo người); khi thay đổi địa chỉ nơi thường trú khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người trúng đấu giá không phải nộp lại biển số trúng đấu giá.

Theo dự thảo, biển số trúng đấu giá chỉ được cấp cho người đã đăng ký tham gia đấu giá và trúng đấu giá. Biển số trúng đấu giá được Cơ quan đăng ký quản lý và chỉ cấp khi người trúng đấu giá làm thủ tục đăng ký theo quy định về đăng ký xe (khi chưa làm thủ tục đăng ký người trúng đấu giá chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng biển số trúng đấu giá). Cơ quan đăng ký xe có quyền thu hồi biển số trúng đấu giá khi biển số được sử dụng không đúng quy định của pháp luật (xe gắn biển số trúng đấu giá vi phạm pháp luật bị tịch thu theo quy định). Số tiền thu được từ đấu giá biển số sau khi trừ các khoản chi phí tổ chức đấu giá theo quy định, sẽ phân chia nguồn thu theo tỷ lệ 70% nộp vào ngân sách Trung ương, 30% phân bổ cho ngân sách địa phương.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định nội dung và mức chi thực hiện một số hoạt động của Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.**

Theo dự thảo, nguồn kinh phí triển khai Chương trình bao gồm: Nguồn ngân sách trung ương bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định; nguồn thu sự nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tham gia đào tạo của Chương trình; nguồn kinh phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp; kinh phí từ các quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật...

Dự thảo nêu rõ về các nội dung chi và mức chi. Theo đó, chi khảo sát đánh giá thực trạng kỹ năng của người lao động tại các doanh nghiệp để xác định nhu cầu đào tạo, đào tạo lại và mô hình đào tạo phù hợp theo các lĩnh vực, ngành, nghề chịu tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong triển khai Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

Chi xây dựng chuẩn đầu ra ngành, nghề đào tạo mới và chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra một số ngành, nghề cần bổ sung kiến thức, kỹ năng mới trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC. Chi xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu, học liệu đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp trong Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư 76/2018/TT-BTC. Chi đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ thuật nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thuộc Chương trình: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có đủ điều kiện để tham gia đào tạo, đào tạo lại của Chương trình theo quy định của pháp luật về đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Chi xây dựng, vận hành cổng thông tin điện tử để quản lý, kết nối các thành phần tham gia Chương trình, phục vụ việc triển khai và quản lý, theo dõi Chương trình hiệu quả: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP,

Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT... Chi đánh giá, tổng kết Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

**\* Bộ Tài nguyên và Môi trường đang đề nghị xây dựng Dự án Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.**

Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, Luật Khoáng sản được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/11/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011. Luật Khoáng sản được ban hành và có hiệu lực là dấu mốc quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

Sau 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất đạt những kết quả đáng kể, nhiều khu vực khoáng sản mới được phát hiện và đánh giá góp phần gia tăng tài nguyên, trữ lượng một số khoáng sản chủ yếu, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản đã đạt nhiều hiệu quả, góp phần đưa hoạt động khoáng sản đi vào nền nếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản được tăng cường.

Tuy nhiên, Luật Khoáng sản 2010 có những nội dung bất cập, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

Một là, kể từ năm 2010 đến nay, trên tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quốc hội đã ban hành Luật Khoáng sản 2010... Tại Điều 53 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý". Sự phát triển, bổ sung "tài nguyên khoáng sản", "tài nguyên thiên nhiên" trong Hiến pháp 2013 đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản 2010 theo hướng đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên thực tế, tăng cường tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

Hai là, sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã đạt được nhiều thành tựu nhất định, góp phần quan trọng trong việc định hướng cho quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên chưa có cơ chế quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất để đảm bảo tài nguyên địa chất, khoáng sản được quản lý tập trung, thống nhất. Điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa đảm bảo tính toàn diện để đánh giá đầy đủ tài nguyên địa chất, khoáng sản và điều kiện địa chất khác đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật còn hạn chế nên nhận thức về vai trò, vị trí của ngành Địa chất trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước còn chưa đầy đủ, chưa tương xứng với những đóng góp của ngành Địa chất thời gian qua.

Cơ sở dữ liệu, thông tin điều tra cơ bản địa chất không thể thiếu để quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế khác. Tuy nhiên, do công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của ngành Địa chất còn hạn chế nên những đóng góp to lớn của

Ngành cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong thời gia qua chưa được ghi nhận và đánh giá đầy đủ.

Ba là, sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, ý thức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được nâng cao thông qua việc áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao để thu hồi tối đa khoáng sản, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường. Tuy nhiên, nội tại các quy định của Luật Khoáng sản hiện hành đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập trong thực thi, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin về khoáng sản, khai thác khoáng sản, giảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Cụ thể:

Nguồn thu ngân sách nhà nước từ khoáng sản chưa được quy định đầy đủ; một số thiệt hại liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa được lượng hóa dẫn đến việc còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Theo quy định của Luật Khoáng sản thì đối với một số mỏ đã cấp phép từ những năm trước khi có Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản năm 1989 đến nay vẫn còn hiệu lực, tuy nhiên các thông số ghi trên giấy phép khai thác (đăng ký mỏ) không rõ ràng dẫn đến việc chấp hành của nhiều tổ chức, cá nhân còn nhiều bất cập.

Trình tự, thủ tục liên quan đến việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành còn rườm rà, tốn nhiều thời gian của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân đang sở hữu giấy phép. Trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản còn phức tạp, mất nhiều thời gian để thực hiện, trong khi đó chưa có quy định riêng biệt về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản đối với từng nhóm, loại khoáng sản, tổ chức, cá nhân được cấp phép cho phù hợp...

Xuất phát từ thực tiễn quản lý, thực trạng thi hành pháp luật và tình hình hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng, việc sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản năm 2010 là cần thiết, nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

**\* Bộ Giao thông vận tải đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.**

Theo dự thảo, tổ chức, cá nhân có thể phản ánh, kiến nghị về những nội dung sau: 1. Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; của cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. 2. Sự không phù hợp với thực tế của quy định hành chính về giao thông vận tải. 3. Sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính về giao thông vận tải. 4. Quy định hành chính về giao thông vận tải không hợp pháp. 5. Quy định hành chính về giao thông vận tải trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. 6. Những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính về giao thông vận tải. 7. Phương án xử lý những phản ánh, kiến nghị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6. 8. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính về giao thông vận tải liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân. 9. Phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính với những nội dung như: Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa

được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định; thủ tục hành chính còn gây khó khăn, vướng mắc, bất cập, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân...

Dự thảo nêu rõ, tổ chức, cá nhân có thể phản ánh, kiến nghị bằng văn bản, điện thoại, thông qua Phiếu lấy ý kiến, trực tiếp. Cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị bằng văn bản gửi đến các địa chỉ: Gửi trực tiếp tại Phòng Hành chính thuộc Văn phòng Bộ Giao thông vận tải, số 80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội; gửi qua hệ thống bưu chính đến Bộ Giao thông vận tải; hoặc gửi qua internet đến chuyên mục "Góp ý" trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải (<http://www.mt.gov.vn>) cho Cơ quan tiếp nhận là "Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính" thuộc Văn phòng Bộ; hoặc gửi thư điện tử đến địa chỉ: [phananhkiennghi.tthc@mt.gov.vn](mailto:phananhkiennghi.tthc@mt.gov.vn).

Cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị bằng điện thoại qua số điện thoại đường dây nóng 024.32151184 (trường hợp phản ánh, kiến nghị từ nước ngoài, gọi theo số 0084.2432151184) của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính trực thuộc Văn phòng Bộ Giao thông vận tải.

**\* Bộ Tư pháp đang đề nghị xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi) nhằm nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động công chứng, từng bước phát triển nghề công chứng Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.**

Bộ Tư pháp cho biết, Luật Công chứng (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/6/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

Sau hơn 7 năm triển khai thực hiện, Luật Công chứng đã đi vào cuộc sống, đạt nhiều kết quả cụ thể, tiếp tục đóng góp tích cực vào việc thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng; đảm bảo tính an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, giá trị sử dụng bản dịch, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, tin cậy cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại và góp phần quan trọng vào tiến trình cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vấn đề mới chưa được Luật Công chứng điều chỉnh; một số quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Theo Bộ Tư pháp, qua công tác tổng kết thi hành Luật Công chứng năm 2014 cho thấy một số bất cập, vướng mắc cơ bản trong hoạt động công chứng hiện nay như sau:

Thứ nhất, chất lượng của một bộ phận công chứng viên còn hạn chế; bên cạnh đó, việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng chưa bảo đảm yêu cầu phân bố hợp lý, hoạt động ổn định và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động hành nghề của công chứng viên.

Thứ hai, việc đồng thời tồn tại hoạt động công chứng, chứng thực đối với các giao dịch, hợp đồng vốn quy định còn khác nhau về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện công chứng, chứng thực có nguy cơ tạo rủi ro cho việc đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch, hợp đồng được chứng thực.

Thứ ba, trình tự, thủ tục công chứng còn nhiều điểm không phù hợp; chất lượng hoạt động công chứng có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, hoạt động công chứng chưa bắt kịp tiên bộ và ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi số.

Thứ năm, công tác quản lý nhà nước, tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên còn hạn chế

Trước yêu cầu thực tiễn của hoạt động công chứng, việc sửa đổi toàn diện Luật Công chứng năm 2014 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, tạo điều kiện để tiếp tục phát triển hoạt động công chứng theo hướng xã hội hóa, chuyên nghiệp hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế là rất cần thiết.

**\* Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP.**

Bộ Tư pháp cho biết, sau hơn 6 năm triển khai thi hành Thông tư số 04/2015/TT-BTP, việc tập sự hành nghề công chứng đã đạt được nhiều kết quả tích cực thể hiện qua số lượng người đăng ký tập sự hành nghề công chứng ngày càng tăng, chất lượng tập sự được nâng cao và công tác quản lý nhà nước về tập sự cũng đi vào nề nếp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tập sự hành nghề công chứng trong thời gian qua cũng còn một số điểm bất cập, hạn chế, mà chủ yếu là do quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP còn những điểm chưa phù hợp như một số quy định về người không được đăng ký tập sự và thời gian tập sự chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng ghi danh nhưng không tập sự trên thực tế; quy định về cách thức, thẩm quyền, trách nhiệm đánh giá việc hoàn thành tập sự chưa rõ ràng, trách nhiệm từ chối hướng dẫn tập sự chưa cụ thể...

Vì vậy, để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, bảo đảm việc thực hiện nghiêm quy định của pháp luật liên quan đến tập sự hành nghề công chứng; đồng thời vừa đảm bảo đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính vừa đảm bảo chất lượng công tác quản lý nhà nước thì sửa đổi, bổ sung toàn diện Thông tư số 04/2015/TT-BTP là rất cần thiết.

Dự thảo Thông tư bổ sung 2 Điều mới quy định về việc tiếp nhận người tập sự hành nghề công chứng và hoàn thành tập sự hành nghề công chứng.

Theo dự thảo, người đủ điều kiện tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng lựa chọn và thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng về việc nhận tập sự. Danh sách tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự được Sở Tư pháp công bố theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này.

Trong trường hợp người đủ điều kiện tập sự đã liên hệ ít nhất là 3 tổ chức hành nghề công chứng nhưng không được nhận vào tập sự thì gửi Giấy đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự (mẫu TP-TSCC-01).

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự và thông báo cho người đề nghị; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự cử công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận vào Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng của người đủ điều kiện tập sự.



Quy định này nhằm làm rõ trình tự tiếp nhận người tập sự theo khoản 1 Điều 11 của Luật Công chứng, mặt khác phát huy được tính chủ động của người tập sự, giảm lượng việc cho các Sở Tư pháp trong việc chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Dự thảo nêu rõ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự phải nộp báo cáo quá trình tập sự, nhật ký tập sự cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự để được công nhận hoàn thành tập sự. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được nhật ký tập sự, báo cáo kết quả tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Người đã được công nhận hoàn thành tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện tập sự tại thời điểm đăng ký hoặc trong quá trình tập sự thì bị hủy kết quả tập sự đã được công nhận.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## HÀ NỘI: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NỘI BỘ NĂM 2021

Ngày 28/4, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với 22 sở, cơ quan tương đương sở và 30 Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

Để đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính một cách thực chất, khách quan; phản ánh đúng sự nỗ lực quyết tâm của các cơ quan, đơn vị trong tiến trình cải cách của thành phố, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã chỉ đạo xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính áp dụng đối với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã đáp ứng những yêu cầu mới của thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 27/9/2021 về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các Sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. Từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2022, việc xác định Chỉ số cải cách hành chính nội bộ được triển khai theo 4 bước: (1) Xây dựng phần mềm, lập phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đánh giá, thẩm định, chấm điểm; ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quy trình tự chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng, sử dụng phần mềm trong công tác chấm điểm. (2) Các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tự đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình theo hướng dẫn đối với các tiêu chí chấm điểm thông qua thẩm định; điều tra xã hội học đối với một số Chỉ số thành phần. (3) Hội đồng thẩm định của Thành phố thẩm định lần 1; đối chứng tài liệu kiểm chứng. (4) Các đơn vị giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng. (5) Hội đồng thẩm định xem xét, thông qua. (6) Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ký Quyết định phê duyệt, công bố kết quả.

Nhìn chung, kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính nội bộ năm 2021 của TP. Hà Nội cho thấy khối quận, huyện, thị xã đã nỗ lực, quyết tâm cải thiện chất lượng công tác cải cách hành chính; có nhiều tiến bộ, cố gắng vượt bậc so với khối sở, cơ quan tương đương Sở. Chỉ số cải cách hành chính trung bình của khối huyện cao hơn khối sở (90.55% của khối quận, huyện, thị xã so với 81.95% của khối sở, cơ quan tương đương sở); kết quả năm 2021 của khối huyện tăng 0,76%, trong khi kết quả của khối sở giảm 2,84%. Mặc dù các tiêu chí đánh giá của Bộ Chỉ số giai đoạn mới khó đạt điểm cao hơn giai đoạn cũ, vẫn có những nội dung có kết quả tiến bộ ở cả 2 khối so với năm 2020. Ở khối huyện, các nội dung có kết quả trung bình năm 2021 tăng cao là lĩnh vực “Tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế xã hội của thành phố” (tăng 9,72%) và lĩnh vực “Cải cách tài chính công” (tăng 8,57%). Ở khối sở, các nội dung có kết quả trung bình năm 2021 tăng cao là lĩnh vực “Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật” (tăng 12,89%); lĩnh vực “Tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế xã hội của thành phố” (tăng 10,76%). Một số đơn vị tiếp tục

duy trì Chỉ số cải cách hành chính ổn định, thứ hạng cao trong nhiều năm (Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, Ủy ban nhân dân quận Long Biên...); đồng thời cũng có nhiều đơn vị đã có sự quyết tâm, bứt phá trong công tác cải cách hành chính như Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai, Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì...).

Tuy nhiên, cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: (1) So với năm 2020, còn có những nội dung có kết quả thấp và giảm sút, đó là các nội dung: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; Cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông (khối huyện); Xây dựng và nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (khối Sở). (2) Có 2 nội dung có kết quả thấp hơn giá trị trung bình, cần được quan tâm cải thiện trong năm 2022 là “Công tác chỉ đạo điều hành” và “Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số”. Đặc biệt, nội dung “Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số” chỉ đạt 66,28% ở khối Sở và 74,40% ở khối huyện. (3) Kết quả Chỉ số lĩnh vực tài nguyên - môi trường vẫn còn ở mức rất thấp, nhiều năm chưa có sự cải thiện. Trong đó, nội dung thấp nhất nằm ở 3 yếu tố: Công tác Chỉ đạo điều hành, Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật. (4) So với năm 2020, các tiêu chí thành phần của chỉ số hài lòng được tích hợp trong Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đều có kết quả cao hơn. Tuy nhiên, tiêu chí Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính còn ở mức thấp.

Đối với khối sở, cơ quan tương đương sở, kết quả trung bình năm 2021 là 81,95%, giảm 2,84% so với năm 2020. Trong đó, điểm thăm định trung bình của năm 2021 so với năm 2020 giảm 5,21 điểm, điểm điều tra xã hội học trung bình năm 2021 tăng 0,73 điểm so với năm 2020. Một số Sở chuyên ngành lĩnh vực Tài chính ngân sách, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Giao thông vận tải, Xây dựng tiếp tục được cải thiện; tuy nhiên, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông, Y tế bị giảm sút về thứ hạng; đặc biệt, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường chưa có sự cải thiện, tiếp tục nằm trong nhóm cuối. Các đơn vị có Chỉ số cao nhất là Sở Tài chính, Sở Lao động, thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ. Các đơn vị có Chỉ số thấp nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở thông tin và Truyền thông.

Đối với khối quận, huyện, thị xã, kết quả trung bình năm 2021 là 90,55%, tăng 0,76% so với chỉ số trung bình năm 2020. Trong đó, điểm thăm định trung bình của năm 2021 so với năm 2020 tăng 0,62 điểm. Điểm điều tra xã hội học trung bình năm 2021 giảm 1,22 điểm so với năm 2020. Mức độ chênh lệch kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tương đối lớn. Năm 2021, 14 đơn vị có kết quả Chỉ số cải cách hành chính cao hơn chỉ số trung bình (đơn vị đứng đầu có kết quả Chỉ số cải cách hành chính cao hơn 4,69% so với chỉ số trung bình) và 16 đơn vị có kết quả Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn chỉ số trung bình (đơn vị xếp cuối có kết quả Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn 3,39% so với chỉ số trung bình). Các đơn vị có Chỉ số cao nhất là Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Ủy ban nhân dân quận Long Biên. Các đơn vị có Chỉ số thấp nhất là Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín, Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất.

Trong thời gian tới, để công tác cải cách hành chính ngày càng hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hà Nội nói riêng, của cả nước nói chung, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chỉ đạo các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung một số nội dung như sau: (1) Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính theo hướng quan tâm cụ thể, kiểm soát chặt chẽ kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo hướng hiệu quả, chất lượng. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính trở thành một trong các tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực người đứng đầu; đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức hàng năm và gắn với công tác thi đua - khen thưởng. (2) Chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, cụ thể hơn đối các nội dung và lĩnh vực cải cách hành chính có kết quả thấp (nội dung Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường). (3) Các Sở, cơ quan tương đương Sở phụ trách từng mảng nội dung cải cách hành chính cần nâng cao hơn nữa vai trò tham mưu với Thành phố để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành trong cải cách hành chính của TP. Hà Nội; theo chức năng được phân công, chủ động tham mưu cho Thành phố có Kế hoạch khắc phục, cải thiện các nội dung cải cách hành chính còn yếu. (4) Các cơ quan, đơn vị căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 để có giải pháp cần thiết trong tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị mình. Đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính thành một trong các tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.

*Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TỔ CHỨC THÁNG HÀNH ĐỘNG “TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGAY TRONG NGÀY”

Ngày 22/4, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 1224/KH-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc tổ chức Tháng hành động “Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngay trong ngày” từ ngày 15 tháng 5 năm 2022 đến ngày 15/6/2022 (sau đây gọi tắt là “Tháng hành động”).

Theo đó, các cơ quan, đơn vị có giải quyết thủ tục hành chính thuộc Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Kế hoạch sẽ tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngay trong ngày tại Bộ phận Một cửa các cấp; khuyến khích các đơn vị tiếp tục thực hiện mô hình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đối với các cơ quan, đơn vị không có thủ tục hành chính hoạch có thực hiện thủ tục hành chính nhưng không có trong danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Kế hoạch, lựa chọn thực hiện một trong các nội dung sau để phục vụ người dân và đồng hành cùng doanh nghiệp:

(1) Triển khai thực hiện giải quyết dứt điểm các hồ sơ thủ tục hành chính, các dự án đang tồn đọng tại cơ quan đơn vị, đảm bảo có đổi mới trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức; (2) Chọn một hoặc nhóm thủ tục hành chính thường xuyên bị trễ hạn để thực hiện tiếp nhận và cam kết “không trả kết quả trễ hạn” nhằm cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; (3) Tổ chức các hội nghị đối thoại; xúc tiến thương mại - đầu tư; tuyên truyền nâng cao nhận thức về các chỉ số đang áp dụng trên địa bàn Thành phố; khảo sát, đề ra giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; phát huy các nguồn lực để phục vụ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố; (4) Các cơ quan, đơn vị có điều kiện về cơ sở vật chất nghiên cứu cùng phối hợp tổ chức “Ngày Hội giải quyết thủ tục hành chính” để tư vấn, giải quyết các yêu cầu của cá nhân, doanh nghiệp; (5) Các mô hình sáng kiến, giải pháp khác phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 1680/SNV-CCHC ngày 26/4/2022 gửi đến các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức Tháng hành động với các nội dung chính như sau:

Giao Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Công đoàn Viên chức thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức “Ngày Hội giải quyết thủ tục hành chính” để tư vấn, giải quyết những yêu cầu của cá nhân, công đoàn viên và doanh nghiệp đang làm việc trong phạm vi quản lý của Khu Công nghệ cao thành phố.

Đề nghị Thành đoàn thành phố căn cứ vào Kế hoạch số 1224/KH-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh để tiếp tục tuyên truyền, triển khai tổ chức hoạt động cao điểm “Ngày thứ bảy tình nguyện” hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và xử lý hồ sơ tồn đọng theo Kế hoạch số 366-KH/TĐTN-BCNLĐ ngày 30/3/2022 về thực hiện phong trào “3 trách nhiệm” trong đoàn viên, thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

Đề nghị cơ quan, đơn vị báo đài trên địa bàn thành phố tích cực thông tin, tuyên truyền về “Tháng hành động” tại các đơn vị trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Đề nghị Đài Truyền hình thành phố phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục để tuyên truyền, giới thiệu các mô hình, giải pháp, sáng kiến trong công tác cải cách hành chính trong quá trình triển khai thực hiện “Tháng hành động”.

Triển khai thực hiện “Tháng hành động” của thành phố một cách có hiệu quả sẽ góp phần hỗ trợ, xử lý nhanh chóng, kịp thời các thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường thông thoáng trong thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính của Thành phố trong năm 2022, nâng cao trách nhiệm phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*Trúc Anh, Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh*

## BẮC NINH: ĐỐI THOẠI THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP FDI NĂM 2022

Tỉnh Bắc Ninh vừa tổ chức Hội nghị đối thoại trực tuyến với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI năm 2022 với chủ đề 'Cùng khát vọng, đồng hành và phát triển'.

Năm 2021, trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt đời sống xã hội, tỉnh Bắc Ninh đã kịp thời triển khai đồng bộ các giải pháp, chuyển động nhanh, biến áp lực thành động lực; đồng hành cùng doanh nghiệp thích ứng linh hoạt thực hiện “mục tiêu kép” với nhiều sáng tạo chưa từng có tiền lệ.

Đồng thời, tổ chức đối thoại, thành lập Tổ phản ứng nhanh hỗ trợ doanh nghiệp 3 nhất, Tổ hỗ trợ nhập cảnh cho các chuyên gia nước ngoài, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, không làm gián đoạn, đứt gãy chuỗi liên kết sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đồng thời, triển khai nhanh công tác tiêm phòng vắc xin COVID-19 cho nhân dân và công nhân trong các khu công nghiệp.

Tỉnh Bắc Ninh và các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đã luôn đoàn kết, gắn bó chặt chẽ, chia sẻ và vượt qua mọi khó khăn, thách thức, với phương châm tỉnh Bắc Ninh luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, thành công của doanh nghiệp là thành công của tỉnh, khó khăn của doanh nghiệp cũng là khó khăn của tỉnh. Đây đã trở thành thương hiệu, nét văn hóa của các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị của tỉnh Bắc Ninh trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp.

Thông qua hội nghị đối thoại, các cấp chính quyền tỉnh Bắc Ninh có cơ hội để lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của doanh nghiệp, từ đó có giải pháp tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Hương Giang yêu cầu các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường truyền thông các chính sách hỗ trợ của tỉnh đến từng doanh nghiệp; đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình chuyển đổi số tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính và phát triển các mô hình kinh doanh mới. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có văn bản trả lời các kiến nghị của các doanh nghiệp trước ngày 5/5.

Đối với các doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đề nghị tiếp tục triển khai tốt các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn và không bị đình trệ. Tích cực phản ánh, kiến nghị những khó khăn, vướng mắc đến lãnh đạo tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đề cao văn hóa doanh nghiệp, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa doanh nghiệp và người lao động, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương.

Vượt qua đại dịch COVID-19, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục trở thành điểm đến “an toàn để sản xuất, an tâm để đầu tư”. Năm 2021, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 6,9%, trong đó, chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu đứng đầu cả nước; các chỉ tiêu về quy mô kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, thu hút vốn FDI; thu ngân sách Nhà

nước... đứng trong top đầu của cả nước. Thu hút đầu tư trong nước gấp 2,6 lần quy mô vốn và đầu tư nước ngoài gấp 1,5 lần quy mô vốn so với năm 2020.

Trong 3 tháng đầu năm 2022, tỉnh Bắc Ninh đã thu hút 1,36 tỷ USD, đứng thứ 2 cả nước về quy mô vốn đầu tư. Lũy kế đến nay, Bắc Ninh đã thu hút được 1.738 dự án còn hiệu lực với tổng vốn 22,77 tỷ USD, đứng thứ 7 cả nước về quy mô vốn đầu tư.

*Nguồn: baoxaydung.com.vn*

## BẮC GIANG: NHÂN RỘNG MÔ HÌNH “CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN”

Nhằm đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc của chính quyền cơ sở, xây dựng phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, hướng đến sự hài lòng của người dân, từ tháng 8/2021, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy Bắc Giang triển khai thí điểm mô hình “Chính quyền thân thiện” tại phường Trần Phú (Thành phố Bắc Giang), thị trấn Đồi Ngô (huyện Lục Nam) và xã Phúc Hoà (huyện Tân Yên).

Theo đó, mô hình phải đảm bảo các tiêu chí gồm: Đối với hoạt động của chính quyền, bảo đảm công khai dân chủ, hướng tới chính quyền điện tử; đảm bảo cơ sở vật chất, môi trường công sở văn minh, thân thiện, xây dựng hoạt động của chính quyền theo hướng gần gũi, thân thiện; đối với cán bộ, công chức xây dựng hình ảnh người đứng đầu chính quyền gương mẫu, thân thiện và có trách nhiệm với nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhân viên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng công an cơ sở thân thiện và có trách nhiệm với nhân dân.

Sau một thời gian thí điểm triển khai thực hiện bước đầu cho thấy đa số người dân có ý kiến đánh giá tích cực, đạt hiệu quả thiết thực. Nhằm nhân rộng thực hiện mô hình, từ tháng 4/2022, Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền thân thiện thành phố Bắc Giang cùng đồng loạt tổ chức ra mắt “Chính quyền thân thiện”, “Công an xã tận tụy, gần bó, thân thiện, vì nhân dân phục vụ” tại 16/16 phường, xã trên địa bàn thành phố Bắc Giang, chính thức vận hành mô hình. Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền thân thiện thành phố Bắc Giang yêu cầu cán bộ, công chức, cán bộ chiến sĩ lực lượng công an cần nâng cao nhận thức, tích cực cập nhật, học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, luôn gương mẫu thực hiện nghiêm túc các quy định chuẩn mực và đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên; đạo đức công vụ, lề lối, tác phong công tác trong giao tiếp ứng xử và giải quyết công việc với nhân dân; thực hiện tốt nụ cười công sở, tiếp đón niềm nở, hướng dẫn tận tình, giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng cho tổ chức và công dân.

Với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc từ “mệnh lệnh hành chính” sang “phục vụ, hướng dẫn, vận động, thuyết phục”, xây dựng một chính quyền thực sự chuyên nghiệp, tận tâm, vì nhân dân phục vụ, góp phần quan trọng để tỉnh Bắc Giang đạt mục tiêu phát triển nhanh, bền vững theo hướng đô thị xanh - thông minh, lấy người dân làm trung tâm để thực hiện cải cách hành chính.

*Kim Dung, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang*

## NGHỆ AN: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 'CHƯA XIN LỖI KHI XỬ LÝ HỒ SƠ TRỄ HẸN'

Đó là đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính Quý I/2022.

Cụ thể, tại tỉnh Nghệ An một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện xin lỗi tổ chức, cá nhân theo quy định đối với các trường hợp xử lý hồ sơ trễ hẹn.

Ngoài ra việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp huyện vẫn còn để xảy ra sai sót về thể thức, thẩm quyền.

Bên cạnh đó tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự tinh gọn, sắp xếp chưa thực sự hợp lý. Tính chủ động, hiệu quả công tác, ý thức trách nhiệm, kỷ luật kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức còn chưa tốt.

Diễn hình là vẫn còn tình trạng công chức, viên chức vi phạm pháp luật đến mức phải bị khởi tố vụ án, bắt tạm giam, điều tra, xét xử...

Vì thế để chấn chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát hiện, xử lý, ngăn chặn tình trạng những nhiều, gây phiền hà trong giải quyết công việc thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao.

Đặc biệt, thực hiện nghiêm quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ quá hạn giải quyết. Đồng thời đăng tải công khai nội dung xin lỗi lên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

*Nguồn: nguoiduatin.vn*

## KHÁNH HÒA: TĂNG CƯỜNG TUYÊN TRUYỀN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN LĨNH VỰC CƯ TRÚ, CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa vừa có văn bản chỉ đạo tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lĩnh vực cư trú, căn cước công dân, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, tập trung tuyên truyền ý nghĩa của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến về cư trú, căn cước công dân, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu; phương thức tiếp cận dịch vụ,



ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, thế căn cước công dân gắn chip phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính. Công an tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; tập trung bảo đảm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; huy động tối đa mọi nguồn lực, phối hợp thực hiện hiệu quả công tác đăng ký quản lý cư trú, thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử, công tác bảo đảm dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” để công dân thuận lợi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Được biết, đến ngày 15/3, trên địa bàn tỉnh đã triển khai tiếp nhận và giải quyết 35 thủ tục thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an thuộc nhóm đăng ký, quản lý cư trú và cấp, quản lý căn cước công dân, nhóm quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu thuộc thẩm quyền giải quyết của lực lượng công an.

*Nguồn: baokhanhhoa.vn*

## ĐẮK LẮK: MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I/2022

Công tác cải cách hành chính của tỉnh Đắk Lắk trong Quý I/2022 đã đạt được những kết quả tích cực, hoàn thành đúng tiến độ các hoạt động của Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 đã đề ra

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chủ trương, chính sách, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, của Tỉnh ủy đối với công tác cải cách hành chính, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện tốt chủ đề cải cách hành chính năm 2022 là “Tăng cường kỷ cương, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số”. Đến nay, có 19/19 sở, ban, ngành; 15/15 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học trực tuyến “Cải thiện hiệu quả quản trị và cải cách hành chính công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025”; tổ chức Tổng kết công tác cải cách hành chính 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; triển khai ký cam kết thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; triển khai ký kết thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 với Công ty cổ phần FPT... Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt và công bố Chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Đắk Lắk. Tỉnh đang tiến hành thẩm định xác

định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với 24 sở, ban, ngành; 15/15 huyện, thị xã, thành phố. Nhiều mô hình, sáng kiến cải cách hành chính đi vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp như: Cổng thông tin tương tác công dân tại địa chỉ <http://tuongtaccongdan.daklak.gov.vn/> và dịch vụ phản ánh hiện trường, xử lý Phiếu cảnh báo hồ sơ trễ hạn trên hệ thống Giám sát dịch vụ công trực tuyến, “Ngày thứ 4 trực tuyến” và “Lắng nghe để thay đổi” tại huyện Krông Pắc...

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được chú trọng, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 01/03/2022 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Đắk Lắk đã phát sóng 03 chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước trả lời” với chủ đề: Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân; Nâng cao chất lượng dạy và học của các cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

Công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm để đánh giá đúng thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị. Đến nay, có 18 cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính gồm các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh; Ủy ban nhân dân: thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, các huyện Krông Ana, Cư Kuin, Ea Súp, Lắk.

Về cải cách thể chế, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành 15 văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ theo đúng quy trình quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính khả thi.

Về cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành 10 Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính. Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được triển khai hiệu quả, đồng bộ ở cả 3 cấp chính quyền (100% sở, ngành; 100% huyện, thị xã, thành phố và 100% xã, phường, thị trấn). Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả 19 lĩnh vực thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của 19 sở, ban, ngành.

Về cải cách tổ chức bộ máy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của 19 cơ quan chuyên môn. Với 15 huyện, thị xã, thành phố: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, đối với các tổ chức đặc thù và các đơn vị quy định không nhất thiết phải thành lập như phòng Dân tộc và phòng Y tế: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát các tiêu chí quy định về thành lập phòng Dân tộc và sự cần thiết của việc duy trì phòng Y tế để thực hiện việc tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính theo đúng trình tự, thủ tục và quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ. Hiện nay, có 07/15 đơn vị cấp huyện có 12 phòng ban (giảm 01 phòng so với trước khi

thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP) có 08/15 huyện có 13 phòng ban (giữ nguyên so với trước khi thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP), cụ thể: Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ đã giải thể Phòng Dân tộc; Ủy ban nhân dân các huyện: Ea Súp, Ea H'Leo, Krông Năng, Lắk, Buôn Đôn đã giải thể phòng Y tế.

Về cải cách công vụ, tỉnh Đắk Lắk đã tiếp nhận, thỏa thuận tiếp nhận, quyết định điều động, thỏa thuận điều động, thỏa thuận chuyển công tác 52 trường hợp; quyết định nghỉ hưu 5 trường hợp; thỏa thuận, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên 488 trường hợp; chuyển ngạch và xếp lương 04 trường hợp; quyết định bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp 301 trường hợp; thỏa thuận bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên 3.429 trường hợp. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn 22 trường hợp; bổ nhiệm ngạch và xếp lương chuyên viên chính 01 trường hợp; tổ chức xét chuyển ngạch và bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính 26 trường hợp; Phụ cấp thâm niên nghề 01 trường hợp; phụ cấp thâm niên vượt khung 01 trường hợp; quyết định nghỉ hưu 02 trường hợp.

Về cải cách tài chính công, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022. Chu trình ngân sách từ khâu lập dự toán cho đến chấp hành và quyết toán ngân sách vận hành hiệu quả, ổn định. Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 9207/UBND-KT ngày 24/9/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Theo đó, đã đôn đốc các Sở, ngành thực hiện việc xây dựng phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2026. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý là 1.074 đơn vị.

Về thực hiện hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử (iGate), Hệ thống cổng dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk cung cấp: 1.674 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 1.377 thủ tục hành chính, cấp huyện: 195 thủ tục hành chính, cấp xã: 102 thủ tục hành chính). Trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 407 thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 655 thủ tục hành chính, tỷ lệ triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của tỉnh đạt 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp mức độ 4. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/3/2022 hệ thống iGate đã giải quyết 284.094 hồ sơ theo cơ chế Một Cửa điện tử liên thông, tỷ lệ giải quyết đúng hạn 94, 44%. Có 1.058 thủ tục hành chính được cập nhật vào cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có 784 dịch vụ công cung cấp trực tuyến. Đã phân quyền cho hơn 946 tài khoản của cán bộ, công chức thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Về xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ, tổng số văn bản điện tử gửi trên trực liên thông văn bản của tỉnh là 155.604 trong đó: 147.609 (nội bộ trong tỉnh); 7.995 (ngoài tỉnh); tỷ lệ ký số đạt 100%. Có trên 46.016 tài khoản thư điện tử công vụ của Cán bộ, công chức, viên chức dùng để trao đổi thông tin trong công việc trên Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (iMail). Số lượng Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cấp tính có: 6.105 (5.105 cá

nhân, 1000 tổ chức); có hơn 471 chứng thư số bị thu hồi; 5.166 chứng thư số đang hoạt động. Hệ thống thông tin báo cáo được triển khai và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

*Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

# CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA BỘ NỘI VỤ GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong giai đoạn 2015 - 2020, công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Nội vụ đã đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả thiết thực. Các phong trào thi đua được tổ chức cả ở chiều rộng và chiều sâu, bám sát thực tiễn, phù hợp với đặc thù hoạt động của từng cơ quan, đơn vị. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến được coi trọng. Công tác khen thưởng kịp thời, chính xác, công bằng, đánh giá và tôn vinh đúng mức với nỗ lực, thành tích các đơn vị và cá nhân đã đạt được. Đề cao vai trò chỉ đạo, điều hành công tác thi đua, khen thưởng, nhất là của cấp ủy đảng và người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ. Đó là tiền đề quan trọng để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Nội vụ trong thời gian tới.

## 1. Kết quả các phong trào thi đua của Bộ Nội vụ giai đoạn 2015 - 2020

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”(1), trong giai đoạn 2015 - 2020, phong trào thi đua yêu nước của Bộ Nội vụ đã được đẩy mạnh, có nhiều chuyển biến tích cực, sáng tạo, đổi mới cả về nội dung và hình thức; các phong trào thi đua đã triển khai đúng hướng, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm và bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đã phát huy được sức mạnh tập thể, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà Bộ Nội vụ được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao phó.

Thời gian qua, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ Nội vụ luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung, nỗ lực, đoàn kết, khắc phục khó khăn, hăng hái thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chương trình, kế hoạch công tác, nhiệm vụ được giao; xây dựng cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Qua các phong trào thi đua, đã có 10 tập thể và 30 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba và Huân chương Lao động các hạng; 04 cá nhân được tặng Huân chương Chiến công hạng Ba; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 16 tập thể và 23 cá nhân; Cờ thi đua của Chính phủ cho 03 tập thể; Cờ Thi đua cấp bộ cho 44 tập thể; Chiến sĩ thi đua cấp bộ cho 40 cá nhân; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho 197 tập thể và 452 cá nhân(2).

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Ban Cán sự đảng và lãnh đạo Bộ Nội vụ, lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, các phong trào thi đua được phát động thời gian qua có nội dung phong phú, sát với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của Bộ và ngành Nội vụ, công tác khen thưởng kịp thời đã thu hút được đông đảo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quan tâm, hưởng ứng và tham gia tích cực, tạo sự lan tỏa sâu rộng và đã đạt được những kết quả nổi bật, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020, với vai trò thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia, Bộ Nội vụ luôn chủ động, tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao, tham mưu nhiều chính sách trong xây dựng nông thôn mới gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Nội vụ. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng giai đoạn 2016 - 2020 và tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức xã, tập huấn cho giảng viên nguồn; tổ chức bồi dưỡng từ xa về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức xã đảm bảo đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 13/01/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018); Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 27/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc, Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ đã phát động đợt thi đua đặc biệt với chủ đề “Đoàn kết, kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao”. Thông qua phong trào và các hoạt động kỷ niệm đã nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và công chức, viên chức, người lao động của Bộ về vị trí, vai trò của phong trào thi đua gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, Bộ Nội vụ tiếp tục triển khai công tác thi đua, khen thưởng ngành Nội vụ, phát động phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của ngành Nội vụ đối với Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức phong trào thi đua ngành Nội vụ theo 07 cụm thi đua đối với Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương... Từ đó, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có điều kiện thảo luận, trao đổi nghiệp vụ, học tập cách làm hay, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ của ngành tại địa phương, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước của ngành Nội vụ.

Thực hiện Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025, ngày 13/8/2019 Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” Bộ Nội vụ giai đoạn 2019 - 2025 đến các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ. Qua các phong trào thi đua, công chức, viên chức Bộ Nội vụ có nhiều chuyển biến tích cực về tư tưởng, tinh thần trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp và tác phong chuẩn mực trong giao tiếp ứng xử, chất lượng thực hiện Quy chế làm việc, Quy tắc ứng xử của Bộ Nội vụ được nâng lên rõ rệt.

Năm 2020, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc như: 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 75 năm Ngày thành lập nước, 130

năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Bộ Nội vụ (28/8/1945 - 28/8/2020) và Đại hội Thi đua yêu nước Bộ Nội vụ lần thứ IV, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X. Nhân dịp này, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã phát động đợt thi đua đặc biệt tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ. Tại Hội nghị tổng kết đợt thi đua này, đã có 19 tập thể và 166 cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ(3).

Công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Nội vụ đã đạt được những kết quả rất quan trọng, thể hiện cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

Thứ nhất, về lĩnh vực tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ đã tập trung thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, công chức, viên chức, tiền lương... theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đã trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 102 văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời trình cấp có thẩm quyền ban hành 26 nghị quyết, 08 đề án, 01 chỉ thị, 16 quyết định; trả lời 109 chất vấn của đại biểu Quốc hội và 1.502 kiến nghị của cử tri về các lĩnh vực công tác của Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ(4). Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được đảm bảo, đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; thực hiện phân cấp, phân quyền theo chủ trương của Nhà nước. Đã hoàn thành việc thẩm định và phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành...

Thứ hai, về lĩnh vực thi đua, khen thưởng, Bộ đã chủ động, sáng tạo, tham mưu với Đảng, Nhà nước, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, đúng định hướng, động viên kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đối tượng người có công, khen thưởng đối ngoại... Hướng dẫn khen thưởng các trường hợp có thành tích đột xuất, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp. Phối hợp với các bộ, ngành tham mưu giúp Chính phủ ban hành 07 nghị định và nhiều thông tư về công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng Dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Chủ động ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, đặc biệt là trong công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Thứ ba, về lĩnh vực quản lý nhà nước về tôn giáo, thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, Bộ đã tích cực, chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định, đồng thời khẳng định chính sách đúng đắn về tôn giáo và công tác tôn giáo của Việt Nam.

Thứ tư, về công tác văn thư, lưu trữ, tích cực, chủ động xây dựng và tham mưu ban hành và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ; đã hoàn thành Bộ pháp điển đề mục Văn thư - Lưu trữ, Đề án Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia... góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ, đồng thời từng bước hiện đại hóa công tác lưu trữ, dần chuyển sang số hóa tài liệu lưu trữ.

Thứ năm, về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030; Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030; tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý các cấp, tài liệu bồi dưỡng ngạch công chức... Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đa dạng hoá các ngành đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở cải tiến, đổi mới chương trình, giáo trình và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thứ năm, về công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tận dụng những ưu thế của các phương tiện thông tin hiện đại, công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến tiếp tục được coi trọng. Các cơ quan báo chí, truyền thông của Bộ đã tích cực tuyên truyền biểu dương những nhân tố mới, những gương điển hình tiên tiến gắn với việc tiếp tục triển khai các phong trào thi đua.

Trong thời gian qua, Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ và Hội đồng thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thường xuyên được kiện toàn; đã kịp thời tham mưu giúp Bộ trưởng và thủ trưởng các đơn vị xây dựng, ban hành hướng dẫn, quy định về công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời phát động phong trào thi đua tới cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hàng năm, chuyên đề, theo đợt nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của dân tộc và của ngành; phối hợp chặt chẽ với Hội đồng sáng kiến và Hội đồng đánh giá, xếp loại công chức, viên chức trong việc xét, công nhận sáng kiến, đánh giá, xếp loại làm căn cứ cho việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm kịp thời, không để xảy ra tình trạng tồn đọng.

## **2. Những bài học kinh nghiệm**

Thứ nhất, các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng, đặc biệt là đối với người đứng đầu; phát huy hiệu quả, thi đua lao động sáng tạo, nâng cao chất lượng; sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua.

Thứ hai, nội dung thi đua luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, có chủ đề rõ ràng, được cụ thể hóa thành chỉ tiêu cụ thể; hình thức thi đua đa dạng phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện của từng đơn vị; luôn gắn thi đua với khen thưởng, thi đua là cơ sở, là căn cứ, là tiêu chí của khen thưởng; khen thưởng là động lực để thúc đẩy phong trào thi đua phát triển.

Thứ ba, chú trọng xây dựng gương điển hình tiên tiến, phát hiện nhân tố mới ở mỗi cơ quan, đơn vị. Làm tốt việc nhân rộng điển hình tiên tiến để tạo sức lan tỏa lớn trong từng cơ quan, đơn vị.

Thứ tư, chú trọng công tác truyền thông về công tác thi đua, khen thưởng, điển hình tiên tiến... với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Tích cực tuyên truyền, giáo dục và thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.



Thứ năm, thường xuyên kiện toàn, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng trong việc phát hiện, đề xuất kịp thời việc xét khen thưởng. Bố trí công chức làm công tác thi đua, khen thưởng có năng lực, thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với công việc.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Nội vụ trong thời gian tới**

Một là, thường xuyên quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng và tư tưởng thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện tốt Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, khắc phục những bất cập trong công tác thi đua, khen thưởng thời gian qua. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng.

Ba là, tổng kết những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn, xây dựng kế hoạch và phát động phong trào thi đua phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của từng đơn vị. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong các phong trào thi đua. Để tạo chuyển biến trong công tác thi đua, khen thưởng, cần đảm bảo chính xác, công khai, kịp thời trong tổ chức và tổng kết các phong trào thi đua, quan tâm đến các tập thể, cá nhân người lao động trực tiếp. Xây dựng khối đoàn kết trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Bốn là, tăng cường và đổi mới hoạt động truyền thông về gương điển hình tiên tiến, các phong trào thi đua và kết quả thực hiện; bố trí thời lượng phù hợp, mở các chuyên trang, chuyên mục về công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự lan tỏa và không khí thi đua sôi nổi trong mỗi cơ quan, đơn vị.

Năm là, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc triển khai các phong trào thi đua, việc bình xét khen thưởng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng ở từng cơ quan, đơn vị.

Sáu là, tiến hành sơ kết, tổng kết qua mỗi phong trào thi đua, phát hiện những vướng mắc, bất cập để kịp thời khắc phục; thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng cho đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

*Nguyễn Thị Sự, Văn phòng Bộ Nội vụ*

*Nguồn: tcnn.vn*

-----  
**Ghi chú:**

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.407.

(2),(4) Bộ Nội vụ, Báo cáo Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025.

(3) Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyết định số 548/QĐ-BNV ngày 17/8/2020 về việc tặng bằng khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Bộ Nội vụ.

## THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẢI CÁCH MÃI NHƯNG VẪN CÒN NHIỀU PHIÊN HÀ

Dù có những thành công đáng ghi nhận, nhưng cải cách thủ tục hành chính, vẫn chưa thực sự là động lực mạnh mẽ, cho cải thiện môi trường kinh doanh.

### **Còn nhiều phiền hà, phức tạp**

Báo cáo “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2021”, do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố ngày 27/4 cho thấy, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây.

Cụ thể, có 87% doanh nghiệp đồng ý là cán bộ giải quyết công việc hiệu quả; 83% cho rằng cán bộ thân thiện; 80% cho biết thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhanh hơn so với quy định pháp luật; 75% cho biết không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục và 74% nhận định thủ tục giấy tờ đơn giản. Các kết quả này chứng tỏ sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp đối với những tiến bộ của các cơ quan Nhà nước ở địa phương về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

Một trong những nỗ lực nổi bật về cải cách thủ tục hành chính trong những năm gần đây là việc ứng dụng mạnh mẽ hơn công nghệ thông tin vào cung cấp dịch vụ công. Dịch vụ công trực tuyến đang trở nên phổ biến trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cấp, giúp giảm thiểu những phiền hà tốn kém và tăng sự minh bạch, thuận tiện cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, dù có những thành công đáng ghi nhận nhưng cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa thực sự là động lực mạnh mẽ cho cải thiện môi trường kinh doanh. Cắt giảm thủ tục hành chính diễn ra ở những lĩnh vực mà người dân, doanh nghiệp ít cần được giải quyết. Tính liên thông trong cải cách thủ tục chưa cao. Nhiều thủ tục hành chính còn gây phiền hà, khó khăn cho việc tuân thủ của doanh nghiệp. Thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuế phí, đất đai và xây dựng... tiếp tục là những lĩnh vực gây nhiều khó khăn nhất.

Cảm nhận của doanh nghiệp về mức độ trở ngại khi tuân thủ thủ tục hành chính trong những lĩnh vực này năm 2021 cao hơn so với năm 2020. Cụ thể, lần lượt có 29,02%, 28,92% và 13,07% doanh nghiệp cho biết thủ tục hành chính về thuế phí, đất đai và xây dựng còn nhiều phiền hà. Con số này tăng so với lần lượt 21,81%, 28,58% và 10,98% của năm 2020.

Một trong những phiền hà và trở ngại lớn nhất cho doanh nghiệp trong tuân thủ thủ tục hành chính trong năm 2021 là sự phức tạp của các quy định pháp luật. Doanh nghiệp vẫn mất nhiều thời gian để có thể nắm bắt và thực hiện đúng các quy định. “Gánh nặng” này đã giảm trong các năm từ 2017 - 2020. Tuy nhiên, đến năm 2021, đã tăng trở lại, từ mức có 22% doanh nghiệp thừa nhận trong năm 2020 đã tăng lên mức 26% trong năm 2021.

Theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, nguyên nhân có thể là do đại dịch COVID-19 có mức độ lây nhiễm rất cao, hầu hết các địa phương trên cả nước, áp dụng nhiều biện pháp chống dịch mạnh mẽ, trong khi chưa có những hướng dẫn chi tiết, khiến rất nhiều doanh nghiệp lúng túng, dẫn tới bị gián đoạn sản xuất, đứt gãy chuỗi cung ứng, phát sinh chi phí lớn.

**Nản lòng doanh nghiệp**

Trong khi tiến hành các thủ tục về đăng ký kinh doanh thuận lợi thì việc tuân thủ các thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện vẫn là một rào cản. Ở tất cả các địa phương, tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thuận lợi trong quá trình cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện đều không quá vượt quá 60%.

Cụ thể có 53,7% doanh nghiệp đồng tình với nhận định: hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ; 52,1% đồng ý rằng quy trình giải quyết thủ tục đúng như văn bản quy định; 38,9% doanh nghiệp đồng ý rằng không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục hành chính; 43,4% cho biết, thời gian thực hiện thủ tục không kéo dài hơn so với quy định và 39,1% doanh nghiệp tin chắc, chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật.

Như vậy có nghĩa, có một tỷ lệ đáng kể doanh nghiệp không hài lòng khi thực hiện các thủ tục hành chính cấp phép này. Những phiền hà về cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện là nguyên nhân khiến khoảng 21,7% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh trong năm 2021, Báo cáo nhận xét.

Tiếp cận đất đai cũng còn nhiều trở ngại. Do bản chất liên ngành, liên cấp của các vấn đề về đất đai, đây là một trong những lĩnh vực phức tạp và khó cải thiện nhất ở nhiều địa phương. Chỉ có 42,9% doanh nghiệp cho biết có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2021, con số thấp nhất kể từ năm 2006 đến nay.

Nguyên nhân là do sự phức tạp của các thủ tục hành chính thuê, mua đất; quy hoạch đất đai của địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu; việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng; giá đất cao và tăng nhanh; giải phóng mặt bằng chậm và thiếu quỹ đất sạch; quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai còn hạn chế... Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng nghĩa với việc “an cư” của nhiều doanh nghiệp vẫn chưa được đảm bảo, dễ nghĩ tới việc đầu tư thêm hay mở rộng quy mô.

Theo kết quả khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, những phiền hà liên quan đến thủ tục đất đai là nguyên nhân khiến 53,8% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh trong năm 2021.

Kết quả trên cho thấy mức độ chuyển biến không đồng đều ở các lĩnh vực cải cách thủ tục chính sách và vẫn có một tỷ lệ đáng kể doanh nghiệp chưa nhận thấy có sự cải thiện qua thời gian. Hoạt động cải cách thủ tục hành chính cần được đẩy mạnh hơn nữa ở những lĩnh vực này.

Theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong năm 2022, để tiếp tục những nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh thực hiện: “Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” của Chính phủ. Việc thực hiện hiệu quả chương trình này, sẽ góp phần nâng cao năng lực giải quyết thủ tục hành chính, giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp, từ đó tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## CƠ CHẾ 'ĐỘT PHÁ' GIÚP DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Hiện nay, 90% doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa - tiềm lực còn nhiều hạn chế nên việc đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, rào cản. Vậy cơ chế 'đột phá' nào giúp doanh nghiệp Việt Nam đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo?

Ông Tạ Việt Dũng, Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có cuộc trao đổi với báo chí để làm rõ hơn về vấn đề này.

### Hoàn thiện hành lang pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

**Phóng viên:** Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ là một trong những đơn vị đã nhanh chóng, nỗ lực triển khai các nhiệm vụ để tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy, phát triển hoạt động Đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đối với cộng đồng doanh nghiệp - lực lượng trung tâm của nền kinh tế và hoạt động đổi mới sáng tạo. Ông có thể cho biết rõ hơn về điều này?

**Ông Tạ Việt Dũng:** Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tập trung vào các nội dung chủ yếu là đổi mới sản phẩm (bắt đầu từ nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới), đổi mới quy trình (bao gồm quy trình sản xuất, quy trình quản lý dựa trên công nghệ), đổi mới công nghệ, đổi mới cách thức (phương thức) tiếp cận và phát triển thị trường.

Như vậy, đổi mới công nghệ có vai trò và tác động quan trọng đối với các nội dung và hoạt động đổi mới khác. Đối với các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là khối doanh nghiệp vừa và nhỏ hằng ngày phải đối diện với những khó khăn, thách thức cho sự tồn tại lại ít có điều kiện tiếp cận đến các cơ chế, chính sách của nhà nước thì việc giúp họ hiểu được bản chất và cơ hội do đổi mới sáng tạo đem lại cho sự phát triển doanh nghiệp của họ là rất quan trọng.

Do vậy, hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn công nghệ và hỗ trợ xúc tiến đầu tư đổi mới công nghệ là những hoạt động cần thiết, cần được tiến hành thường xuyên có hệ thống và tính chuyên nghiệp. Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ là cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ.

**Phóng viên:** Theo ông hiện nay thực sự đã có đầy đủ các cơ chế chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo hay chưa?

**Ông Tạ Việt Dũng:** Chủ trương và chiến lược thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được thể hiện trong nhiều Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Trong thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đang thực hiện tái cơ cấu các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với mục tiêu cung cấp các hỗ trợ đồng bộ, từ hoạt động tìm kiếm, xác định nhu cầu công nghệ đến hoạt động chuyên gia, ứng dụng, đổi mới công nghệ và kết nối đầu tư, như: Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước

ngoài; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thông qua Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia... để đưa các nhiệm vụ gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng nguồn vốn ứng dụng, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ.

Gần đây, Cục đã chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ trình Quốc hội thông qua nội dung hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ 2017 để tạo môi trường pháp lý thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, viện trường, tổ chức khoa học và công nghệ ứng dụng, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ...

Bên cạnh đó, Cục cũng đã triển khai các hoạt động, nhiệm vụ cụ thể để thúc đẩy trực tiếp cho hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Qua đó đã góp phần hoàn thiện hành lang, pháp lý và tạo nên chuỗi hỗ trợ có hệ thống, tập hợp được các nguồn lực cần thiết trong nước và quốc tế để cùng triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

### **Doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới công nghệ**

**Phóng viên:** Vậy, đến nay hiệu quả đạt được của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia và các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trong giai đoạn vừa qua ra sao, thưa ông?

**Ông Tạ Việt Dũng:** Trong 7 năm triển khai (tính từ năm 2013 đến 2020), Chương trình đã đạt được kết quả nhất định. Nhiều doanh nghiệp đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, hàng trăm công nghệ, quy trình công nghệ được hấp thu và làm chủ, hàng chục bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ, năng suất lao động trung bình tăng mạnh (trong đó một vài doanh nghiệp có năng suất lao động tăng gấp 5,4 lần) sau đổi mới công nghệ, sản phẩm đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường nước ngoài, doanh thu của các doanh nghiệp tăng hơn 2 lần, lợi nhuận tăng khoảng 2,4 lần so với trước. Một số kết quả nổi bật của các doanh nghiệp khi tham gia Chương trình có thể kể đến như:

Tập đoàn Sao Mai đã chuyển giao, hoàn thiện công nghệ tinh luyện dầu, công nghệ enzym thu nhận bột đạm từ phụ phẩm cá tra thành các loại dầu thực phẩm, shortening, margarine, bột nêm, bột cá chất lượng cao. Nhờ đó, nâng tầm giá trị của cá tra lên khoảng 28%. Mỗi năm, doanh nghiệp tiêu thụ khoảng 1/3 lượng mỡ cá tra của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông đã nghiên cứu thiết kế, chế tạo thành công hệ thống chiếu sáng chuyên dụng trong công nghiệp nhân giống và điều khiển ra hoa một số loại cây trồng với qui mô công nghiệp. Hiện nay công ty đang tiếp tục hoàn thiện và phát triển công nghệ sản xuất hệ sinh thái LED 4.0 ứng dụng trong đô thị thông minh, ngôi nhà thông minh và trang trại trồng trọt thông minh.

Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải ứng dụng công nghệ tự động hóa vào sản xuất, điều hành nhằm hướng tới xây dựng nhà máy thông minh theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhờ đó, giúp nhà máy sản xuất nhíp ô tô của Trường Hải nâng tỷ lệ tự động hóa sản xuất lên tới 70÷80%, sản phẩm xuất xưởng tăng thêm 15%/năm, chi phí sản xuất giảm 2,0%/sản phẩm...

Đối với hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, trong giai đoạn từ 2011 - 2020, hỗ trợ kết nối 142 hợp đồng hợp tác và chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, doanh nghiệp, tỷ lệ các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác triển khai thực hiện sau ký kết đạt 41,5%.

Về hoạt động tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp. Hỗ trợ hoàn thiện và ứng dụng thành công một số kết quả nghiên cứu trong sản xuất đem lại hiệu quả cao như: Robot tự động cấp phôi, công nghệ và thiết bị sấy, thiết bị xử lý khí thải, công nghệ định vị di động, một số công nghệ nano trong lĩnh vực vật liệu, sinh học trong nông nghiệp và y dược...

**Phóng viên:** Xin ông cho biết về định hướng triển khai các Chương trình và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo do Cục quản lý, triển khai trong thời gian tới?

**Ông Tạ Việt Dũng:** Trong giai đoạn tới, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia sẽ tiếp tục tập trung hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

Với vai trò là cơ quan đầu mối, Cục sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu, các tổ chức trung gian, Bộ. ngành, địa phương, tổ chức, mạng lưới chuyên gia quốc tế cùng tham gia, đẩy mạnh triển khai Đề án Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025...

Bên cạnh đó, từ hiệu quả đã đạt được của các hoạt động giai đoạn trước đã được các địa phương, doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao, Cục sẽ tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để triển khai hoạt động kết nối cung cầu công nghệ; tổ chức thường xuyên có hệ thống, chuyên nghiệp đối với hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp.

**Phóng viên:** Ông đánh giá như thế nào về các vấn đề đối với quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo hiện nay và một vài đề xuất, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo trong thời gian tới?

**Ông Tạ Việt Dũng:** Hiện nay, cơ cấu thể chế và quản lý đổi mới sáng tạo tại Việt Nam bị phân tán với nhiều bên tham gia và hạn chế về điều phối. Bộ Khoa học và Công nghệ trong rất nhiều trường hợp không đủ thẩm quyền để giải quyết một số vấn đề chính sách mạnh về đổi mới sáng tạo.

Nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo mạnh, mang tính vượt khung luật hiện hành đòi hỏi phải có quyết định liên ngành mà không một ngành riêng biệt nào có đủ thẩm quyền giải quyết. Cơ chế thực hiện chính sách thử nghiệm kiểu “sandbox” chưa thịnh hành và chưa được chấp nhận rộng rãi.

Hoạt động đổi mới sáng tạo và thực thi chính sách, hỗ trợ đổi mới sáng tạo còn khá phân tán với nhiều bên tham gia, đôi khi không có sự phối hợp, điều phối và thậm chí còn cạnh tranh với nhau, dễ dẫn đến khả năng trùng lặp và lãng phí nguồn lực...

Do đó, để giải quyết được các vấn đề này, đề xuất nội hàm về đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung vào việc giải quyết các vấn đề của quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo ở nước ta trong thời gian tới phải được thể chế hóa vào các Luật về khoa học và công nghệ; trong đó tập trung vào một số nội dung:

Một là, thống nhất quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; có sự phân công, phân cấp, phối hợp giữa các ngành, các cấp trung ương và địa phương trong bối cảnh mới. Hoàn thiện hành lang pháp lý và công tác quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia...

Hai là, xây dựng, ban hành cơ chế, quy chế phối hợp giữa cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo là Bộ Khoa học và Công nghệ với các Bộ, ngành, địa phương để tạo sự thống nhất, hiệu quả, xuyên suốt trong quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo.

Ba là, tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia phù hợp với điều kiện Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 và khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, chú trọng xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; tháo gỡ các nút thắt, rào cản về luật pháp, chính sách kinh tế, tài chính, thủ tục hành chính đối với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, vượt trội để thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ.

**Phóng viên:** Trân trọng cảm ơn ông!

*Nguồn: baophapluat.vn*

## PHONG BÌ BÔI TRƠN VIỆC MỚI TRÔI: VẤN NẠN NHỨC NHỐI, NỖ SỢ KINH NIÊN

Khả năng đoán trước được kết quả công việc khi có phí bôi trơn tăng lên đáng kể. Song hệ quả của nó là việc chi trả chi phí không chính thức ngày càng có hệ thống và có tính chất giao dịch, khó ngăn chặn.

### **Vấn nạn nhức nhối**

Kết quả điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2021, do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố ngày 27/4 cho thấy, chi phí không chính thức tiếp tục xu hướng giảm trong hầu hết các lĩnh vực thủ tục liên quan đến doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khá phổ biến trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Cụ thể, theo kết quả điều tra, tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức năm 2021 là 41,4%, giảm so với con số 44,9% của năm 2020. Đây cũng là mức thấp nhất trong vòng 16 năm qua. Quy mô khoản chi phí không chính thức cũng đã giảm đáng kể, tỷ lệ doanh



nghiệp dành hơn 10% doanh thu để chi trả loại chi phí này năm 2021 4,1%, thấp hơn đáng kể so với con số 9,1% của năm 2016.

Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết có chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra năm 2021 là 20,9%, giảm đáng kể từ con số 27,7% năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “chi trả hoa hồng” là cần thiết để có cơ hội thắng thầu đã giảm từ mức 40% năm 2020 xuống còn 36,8% năm 2021. Tỷ lệ doanh nghiệp lo ngại tình trạng “chạy án” nên không đưa vụ việc tranh chấp qua tòa án cũng đã giảm 1,6%, từ con số 23% của năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh thủ tục đất đai năm 2021 giảm còn 29,4%, so với 32% của năm 2020.

Các doanh nghiệp FDI tham gia khảo sát cũng cho hay, năm 2021 có 41,9% không phải chi trả chi phí không chính thức. Đây là con số tích cực nhất kể từ năm 2010 trở lại đây.

Tuy vậy, ở một số lĩnh vực chi phí không chính thức, doanh nghiệp phải trả vẫn rất cao. Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến” là 57,4% trong năm 2021, cao hơn con số 54,1% của năm 2019 - 2020. Tỷ lệ trung bình doanh nghiệp trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh tra xây dựng là 67,22% và cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện là 61,36%.

Xét theo tính chất tương tác giữa doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, chi phí không chính thức quy mô nhỏ, hay còn gọi là “tham nhũng vặt”, vẫn khá phổ biến dưới hai hình thức: Thứ nhất, đó là chi phí “bôi trơn” ở những dịch vụ công thiết yếu với hoạt động như đăng ký doanh nghiệp hoặc tiếp cận đất đai; Thứ hai là chi phí không chính thức ở các thủ tục hoặc nghiệp vụ như quản lý thị trường, thanh tra môi trường, thuế, thanh tra phòng cháy chữa cháy, thanh tra kiểm tra về đất đai và đăng ký kinh doanh.

Với doanh nghiệp FDI, năm 2021 có 5% cho biết phải dành 5 - 10% doanh thu cho chi phí không chính thức, trong khi năm trước đó con số này chỉ là 2,1%. Một số lĩnh vực có chi trả chi phí không chính thức còn cao như: thủ tục xuất nhập khẩu 38,9%; thanh, kiểm tra 25,4% và thủ tục đất đai 21,1%.

Đáng quan tâm là chi phí không chính thức trong giải quyết thủ tục đất đai dành cho doanh nghiệp FDI năm 2021 tăng mạnh so với 10,3% của năm 2020. Con số này nhất quán với sự gia tăng tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh gặp phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính đất đai tại báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Một điểm quan trọng nữa là có tới 60,4% doanh nghiệp chia sẻ, công việc được giải quyết như mong đợi sau khi chi trả chi phí không chính thức. Như vậy, khả năng đoán trước được kết quả công việc khi có “lót tay” tăng lên đáng kể. Lợi ích của việc này là doanh nghiệp có thể dự đoán khoản chi phí phải bỏ ra, để chi trả chi phí không chính thức. Song hệ quả của nó sẽ là việc chi trả chi phí không chính thức ngày càng có hệ thống và có tính chất giao dịch.

### **Cơ hội để những doanh nghiệp**

Theo các chuyên gia kinh tế, chi phí không chính thức được cho là gánh nặng và làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp tại Việt Nam. Chi phí này được hạch toán vào giá thành sản phẩm, đẩy giá sản phẩm lên cao, hậu quả là làm giảm sức cạnh tranh. Đây là vấn đề gây khó

khẩn và tốn kém cho doanh nghiệp nhiều nhất. Chưa kể còn làm phát sinh thêm chi phí khác. Chẳng hạn, để hợp pháp hóa chi phí không chính thức, doanh nghiệp sẽ phải chi thêm tiền, dẫn đến hiện tượng gian dối trong kinh doanh như buôn bán hóa đơn; báo cáo tài chính, thuế không trung thực...

Trưởng Ban Pháp chế Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn cho rằng, chi phí sản xuất hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể cạnh tranh với doanh nghiệp các nước. Nhưng chi phí không chính thức phải trả trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan khiến sản phẩm của Việt Nam kém cạnh tranh hơn hẳn. Như vậy, tác động của nó là rất rõ, rất hiển nhiên và rất lớn.

Chi phí không chính thức không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ mà đang làm cho môi trường kinh doanh trở nên thiếu lành mạnh, kém cạnh tranh và gây e ngại cho các doanh nghiệp muốn kinh doanh và cạnh tranh công bằng tại Việt Nam.

Nguyên nhân cơ bản, theo ông Đậu Anh Tuấn, là do chất lượng yếu kém của hệ thống thể chế, quy định pháp luật. Hệ thống quy định pháp luật, thủ tục hành chính không rõ ràng, không hợp lý, phức tạp và không tiên liệu được đã tạo thành cơ hội cho cơ quan, cán bộ liên quan nhũng nhiễu doanh nghiệp và đòi hỏi chi phí không chính thức. Cùng với đó là thực thi pháp luật không nghiêm, không công bằng, minh bạch hoặc lợi dụng địa vị của cán bộ giao nhiệm vụ để sách nhiễu doanh nghiệp.

Kết quả điều tra về chi phí không chính thức trên cho thấy, không gian cải cách vẫn còn rất nhiều. Giảm thiểu chi phí không chính thức vẫn là một “hành trình dài” đối với các chính quyền địa phương. Cần tiếp tục nỗ lực mạnh mẽ hơn để cắt giảm gánh nặng chi phí không chính thức cho các doanh nghiệp.

Để xóa bỏ chi phí không chính thức, cần công khai minh bạch mọi thủ tục, sớm đưa chính quyền điện tử vào hoạt động. Thực tế cho thấy, những nhóm thủ tục hành chính nào có sự tiến bộ đáng kể các năm qua đều nhờ vào việc áp dụng công nghệ thông tin, thực hiện trên môi trường điện tử.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

### TÍN DỤNG ƯU ĐÃI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Ngày 26/4, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2022/NĐ-CP về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

Nghị định dành 2 chương quy định cụ thể về cho vay hỗ trợ đất ở (Chương II) và nhà ở (Chương III). Theo đó, đối tượng vay vốn hỗ trợ đất ở, nhà ở bao gồm: Hộ nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở, nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở, chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ (đối với cho vay hỗ trợ đất ở), 40 triệu đồng/hộ (đối với cho vay hỗ trợ nhà ở).

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Cho vay hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý không quá 96 tỷ đồng

Về cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, Nghị định quy định đối tượng vay vốn là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh (cơ sở sản xuất kinh doanh) hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, tham gia vào Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý (Dự án vùng trồng dược liệu quý), Dự án trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao (Dự án trung tâm nhân giống) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án đầu tư và sử dụng vốn vay để tham gia Dự án vùng trồng dược liệu quý, Dự án trung tâm nhân giống được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Được Ngân hàng

Chính sách xã hội tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 3. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Tổng mức cho vay không vượt quá 45% tổng mức đầu tư dự án và không vượt quá 96 tỷ đồng đối với Dự án vùng trồng dược liệu quý, không vượt quá 92 tỷ đồng đối với Dự án trung tâm nhân giống.

Mức cho vay đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia Dự án trung tâm nhân giống và Dự án vùng trồng dược liệu quý do Ngân hàng Chính sách xã hội xác định cho vay căn cứ phương án sử dụng vốn và quyết định phê duyệt thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không vượt quá 45% mức đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh khi tham gia vào dự án.

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm. Lãi suất cho vay 3,96%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định cụ thể chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

**\* Ngày 22/4, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 505/QĐ-TTg về ngày Chuyển đổi số quốc gia.**

Theo Quyết định, lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia. Ngày Chuyển đổi số quốc gia được tổ chức hằng năm nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số quốc gia, thực hiện hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; thúc đẩy sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Cũng theo Quyết định, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và

điều kiện thực tế của từng Bộ, ngành, địa phương để tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Chuyển đổi số quốc gia hàng năm tại Bộ, ngành, địa phương.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội trong lĩnh vực thông tin và truyền thông chỉ đạo các tổ chức thành viên trực thuộc tham gia và tổ chức các hoạt động truyền thông Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên các kênh về chuyển đổi số và Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Bên cạnh đó, các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương thực hiện đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; xây dựng các chương trình giới thiệu và tuyên dương các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp điển hình đã đi đầu trong việc áp dụng các công nghệ và mô hình mới; tổ chức truyền thông đối ngoại, quảng bá Ngày Chuyển đổi số quốc gia ra nước ngoài.

**\* Ngày 23/4, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 508/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.**

Theo đó, hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế của Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống thuế tốt theo thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, bao gồm các sắc thuế, phí, lệ phí chủ yếu sau đây: Thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế bảo vệ môi trường; các khoản phí, lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Về quy mô thu ngân sách từ thuế, phí, bảo đảm duy trì tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước từ thuế, phí ở mức ổn định, hợp lý và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 và 2026 - 2030, trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh COVID-19.

Hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế, phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam, trọng tâm là thể chế quản lý thuế, nguồn nhân lực và công nghệ thông tin.

Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người nộp thuế với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 90%; tỷ lệ hỗ trợ người nộp thuế được thực hiện qua phương thức điện tử đạt tối thiểu 70%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký thuế được cơ quan thuế giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ nhận được đạt tối thiểu 80%. Tỷ lệ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của cá nhân đạt tối thiểu 85%. Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế, miễn, giảm thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%. Thuế giá trị gia tăng: Tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất

Cụ thể, đối với thuế giá trị gia tăng, mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất; nghiên cứu tăng thuế suất thuế giá

trị gia tăng theo lộ trình; rà soát điều chỉnh ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ cho phù hợp với thực tế; nghiên cứu áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng hoặc không đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ.

Bên cạnh đó, hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, đảm bảo phản ánh đúng bản chất và phù hợp thông lệ quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo hướng đơn giản, minh bạch và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe Nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế tiêu thụ đặc biệt một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tiếp tục thu gọn số lượng mức thuế suất để đơn giản biểu thuế nhập khẩu, phấn đấu đến năm 2025 số lượng mức thuế suất thuế nhập khẩu giảm từ 32 mức hiện nay xuống còn khoảng 25 mức vào năm 2025 và 20 mức vào năm 2030.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thúc đẩy xuất khẩu, khuyến khích gia tăng giá trị nội địa, hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô; có chính sách ưu đãi phù hợp để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ và các lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và các cam kết quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi các quy định về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ và các quy định liên quan đến khu phi thuế quan, đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, hạn chế gian lận thương mại, trốn thuế.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, rà soát để sửa đổi hoặc bãi bỏ ưu đãi miễn, giảm thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội với chính sách miễn, giảm thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế để áp dụng ổn định trong trung và dài hạn; thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời, chuyển trọng điểm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư vào những ngành, nghề mũi nhọn và những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế; thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống chuyển giá, chống xói mòn nguồn thu theo thông lệ quốc tế.

Đối với thuế thu nhập cá nhân, rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế thu

nhập cá nhân cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế.

Đối với thuế tài nguyên, nghiên cứu sửa đổi quy định, giá tính thuế tài nguyên, sản lượng tài nguyên tính thuế; sửa đổi khung thuế, mức thuế và miễn, giảm thuế tài nguyên theo hướng minh bạch, rõ ràng, đảm bảo chính sách thuế tài nguyên tiếp tục là công cụ hữu hiệu để góp phần quản lý, bảo vệ tài nguyên, khuyến khích sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, khuyến khích chế biến sâu, nâng cao giá trị tài nguyên.

Đối với các loại thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp), tiếp tục thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, xây dựng chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định rõ đối tượng chịu thuế tài sản, số thuế phải nộp, đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với thuế bảo vệ môi trường, nghiên cứu mở rộng đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường; nghiên cứu để điều chỉnh khung và mức thuế bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo chính sách thuế bảo vệ môi trường là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần hạn chế việc nhập khẩu, sản xuất và sử dụng hàng hóa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với phí và lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước, rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật phí và lệ phí theo hướng khai thác hiệu quả nguồn thu phí, lệ phí từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; thực hiện lộ trình tăng mức thu phí nhằm từng bước tính đủ chi phí trong mức thu phí; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa cung cấp dịch vụ công; tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng nguồn lực của xã hội và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đồng thời đảm bảo phù hợp với chủ trương tổ chức, sắp xếp lại bộ máy cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng khoản thu hoặc thuế đối với các hoạt động, hình thức kinh doanh mới phù hợp với thực tế phát triển, đảm bảo quyền thu thuế, đánh thuế của Việt Nam phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và theo thông lệ quốc tế. Rà soát, hoàn thiện chính sách về thu khác thuộc ngân sách nhà nước bảo đảm phù hợp với thực tế và đồng bộ với pháp luật chuyên ngành.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## CÁC BỘ, BAN, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

**\* Ngày 07/4, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.**

Theo đó, Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 5 như sau: “a) Đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng nêu trên không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương”.

Đối với điểm b Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau: “b) Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

Trường hợp tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công



ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2022.

Số dư dự phòng các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương mà doanh nghiệp đã trích lập đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành (nếu có) được hoàn nhập, ghi giảm chi phí tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2022.

**\* Ngày 22/4, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ký ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.**

Một trong những điểm mới của Thông tư 04/2022/TT-BGTVT là sửa đổi, bổ sung các Khoản 4, 6, 9, 16, 17, 18 và Khoản 19 Điều 5 như sau:

Đối với Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi như sau: “4. Cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 phải duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm Thông tư này”.

Còn đối với Khoản 6 Điều 5 được sửa đổi thành: “6. Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này”.

Khoản 9 Điều 5 được sửa đổi theo hướng yêu cầu các cơ sở đào tạo phải ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô (trừ hạng B1); bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe.

Đối với Khoản 16 Điều 5 được sửa đổi như sau: “16. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô trang bị và duy trì ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành; ca bin học lái xe ô tô thực hiện theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 47 của Thông tư này”.

Bổ sung Khoản 17 vào Điều 5 như sau: “17. Truyền dữ liệu quản lý DAT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu”.

Bên cạnh đó, bổ sung Khoản 18 vào Điều 5 như sau: “18. Theo dõi, khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; kiểm tra tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái”.

Ngoài ra, bổ sung Khoản 19 vào Điều 5 như sau: “19. Cung cấp giấy xác nhận được in trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2022.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI

### CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

#### \* Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Chuẩn y bổ sung nhân sự Ủy ban Kiểm tra Thành ủy TP. Hồ Chí Minh đối với ông Huỳnh Cách Mạng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Thành ủy TP. Hồ Chí Minh giữ chức vụ Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Chuẩn y bổ sung nhân sự Ủy ban Kiểm tra Thành ủy TP. Hồ Chí Minh đối với bà Lê Thị Hờ Rin, nguyên Bí thư Quận ủy quận 6 giữ chức Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

#### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm ông Vũ Hải Quân, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thay ông Huỳnh Thành Đạt đã chuyển công tác khác.

Bổ nhiệm ông Lê Quân, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội thay ông Nguyễn Kim Sơn đã chuyển công tác khác.

#### \* Ban Tổ chức Trung ương:

Ông Đỗ Đức Trung, Trưởng phòng Phòng Theo dõi địa phương, Cục Bảo vệ chính trị nội bộ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ.

Ông Phạm Hồng Vĩnh, Chánh Văn phòng Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức, cán bộ.

Ông Tạ Minh Đức, Chuyên viên chính Vụ V được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ V trên cơ sở bảo lưu kết quả thi tuyển.

Bà Trần Thị Phương Thảo, Chuyên viên chính Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan theo quy định bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ.

#### \* Bộ Ngoại giao:

Ông Trịnh Minh Mạnh, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách đối ngoại được điều động giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao.

Bà Nguyễn Hương Trà, Phó Vụ trưởng Vụ Trung Đông - châu Phi được bổ nhiệm lại và điều động giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách đối ngoại, Bộ Ngoại giao.

Bà Hồ Hương Giang, Tập sự Phó Vụ trưởng, Trưởng phòng Vụ châu Mỹ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ châu Mỹ, Bộ Ngoại giao.

Bà Vũ Thị Mai Liên, Tập sự Phó Vụ trưởng Vụ Biên giới phía Tây, Ủy ban Biên giới quốc gia được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Biên giới phía Tây, Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao.

Ông Trần Chí Trung, Tập sự Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách đối ngoại được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao, Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao.

Ông Phạm Bình Anh, Tập sự Phó Vụ trưởng Vụ các Tổ chức quốc tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ các Tổ chức quốc tế, Bộ Ngoại giao.

**\* Văn phòng Quốc hội:**

Bà Trần Thị Thu Trang, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Thư viện, Thư viện Quốc hội được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Thư viện Quốc hội, kể từ ngày 28/4/2022.

**\* Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính):**

Ông Nguyễn Trường Giang, Phó Cục trưởng Cục Hải quan Bình Dương được giao phụ trách Cục Hải quan Bình Dương kể từ ngày 01/5/2022 (thay ông Nguyễn Phước Việt Dũng, Cục trưởng Cục Hải quan Bình Dương nghỉ hưu theo chế độ).

Ông Bùi Tuấn Hải, Phó Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan Đà Nẵng, kể từ ngày 01/5/2022.

Trần Quốc Định, Phó Cục trưởng Cục Hải quan Hà Nội điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan, kể từ ngày 01/5/2022.

Ông Lê Viết Phong, Phó Cục trưởng Cục Hải quan Cao Bằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Hải quan Cao Bằng, kể từ ngày 01/5/2022.

**\* Thành phố Hà Nội:**

Ông Kiều Xuân Nghi, Phó Giám đốc Sở Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Quỹ đầu tư và phát triển thành phố.

Ông Nguyễn Đình Thắng, Trưởng phòng Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Công Thương.

**\* Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Ma Xuân Việt, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Thành ủy được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Quận ủy, giữ chức Bí thư Quận ủy quận 6, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**\* Thành phố Đà Nẵng:**

Bà Lê Thị Xuân Nga, Chánh Văn phòng Sở Tư pháp được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

Ông Nguyễn Trung Nghĩa, Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông thành phố được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ông Lê Hoàng Phúc, Phó Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ TP. Đà Nẵng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư.

**\* Tỉnh Hưng Yên:**

Ông Lê Xuân Tiến, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Văn Khuê do được phân công, điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

**\* Tỉnh Bắc Ninh:**

Ông Nguyễn Minh Hiếu, Phó Giám đốc phụ trách Sở Giao thông vận tải được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải, kể từ ngày 29/04/2022.

**\* Tỉnh Thái Nguyên:**

Ông Dương Văn Lượng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Thành ủy Thái Nguyên nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**\* Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ông Nguyễn Cao Phúc, Bí thư Thành ủy Quảng Ngãi được điều động đến nhận công tác tại Hội đồng nhân dân tỉnh theo kết quả bầu cử Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 từ ngày 25/4/2022.

Ông Ngô Văn Trọng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh được tiếp nhận, phân công đến nhận công tác tại Thành ủy Quảng Ngãi, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy và chỉ định giữ chức Bí thư Thành ủy Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2020 - 2025, từ ngày 25/4/2022.

Ông Hà Hoàng Việt Phương, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND TP. Quảng Ngãi được điều động, phân công đến nhận công tác tại Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh và bổ nhiệm giữ chức Trưởng ban Ban Quản lý.

Ông Nguyễn Xuân Mến, nguyên Giám đốc Sở Y tế giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

**\* Tỉnh Đồng Nai:**

Ông Viên Hồng Tiến, Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 05/5/2022.

Bà Nguyễn Thị Hồng Trang, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, kể từ ngày 05/5/2022.

Ông Lê Kim Bằng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được điều động đến công tác tại Huyện ủy Xuân Lộc, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc nhiệm kỳ 2020 - 2025 kể từ ngày 05/5/2022.

Ông Nguyễn Cao Cường, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động đến công tác tại Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 kể từ ngày 05/5/2022.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chuẩn y ông Đỗ Chánh Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy Long Khánh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bà Lê Thị Ngọc Loan, Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, kể từ ngày 05/5/2022.

Ông Lê Văn Lộc, Phó Giám đốc Sở Công Thương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, kể từ ngày 05/5/2022.

*Nguồn: baohinhphu.vn*